

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG NGÃI (RUDEP) - GIAI ĐOẠN 2

Kế hoạch Năm (Kỳ 07/2004 - 06/2005)



VIETNAM - AUSTRALIA

Tài liệu soạn thảo cho

AusAID

Đại sứ quán Ô-x-trây-li-a
8 Phố Đào Tân
Quận Ba Đình,
Hà Nội, VIỆT NAM

7 April 2004

VIE1506

Bên soạn thảo

URS Sustainable Development
in association with Kellogg Brown & Root and
World Wide Project Management Services
Project Managers and Consultants
Adelaide Australia

CƠ QUAN TÀI TRỢ

AusAID

Đại sứ quán Ô-x-trây-li-a

Số 8 Đào Tân, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Ph: +84 4 8317754/Ext 175 (Cán bộ dự án), Fax: +84 4 8317711

CƠ QUAN ĐỐI TÁC CHÍNH

Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Quảng Ngãi

96 Đường Nguyễn Nghiêm, Thị xã Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Ph: +84 55 825701

BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Lô 4 Đường Phạm Văn Đồng, Thị Xã Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Ph: +84 55 816265-6, Fax: +84 55 816260

NHÀ THẦU QUẢN LÝ ÔX-TRÂY-LIA

URS Sustainable Development

25 North Terrace

Hackney SA 5069

Ph: +61 8 8366 1000, Fax: +61 8 8366 1001

Giám đốc dự án:
Dee Hartvigsen
Giám đốc phụ trách các Dự án
quốc tế

URS Australia Pty Ltd
25 North Terrace, Hackney
South Australia 5069 Australia
Tel: 61 8 8366 1000
Fax: 61 8 8366 1001

Giám đốc
Chương trình: Ted A' Bear
Phó Chủ tịch
Phát triển bền vững

Ngày: 16 May 2006
Số dẫn chiếu: VIE1506
Văn bản: Dự thảo

Các hạn định văn bản

URS Australia Pty Ltd (URS) soạn thảo báo cáo này phục vụ cho việc sử dụng của Cơ quan phát triển quốc tế Ô-x-trây-li-a (AusAID) theo phạm vi công việc và mục đích được ghi trong Hợp đồng giữa URS và AusAID về Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP) – Giai đoạn 2.

Báo cáo này cần phải được đọc trọn vẹn. Người viết không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự vận dụng từng phần nào trong báo cáo này vào một bối cảnh khác biệt nào đó hoặc phục vụ cho một mục đích nào khác hoặc dùng bởi những bên thứ ba.

MỤC LỤC

Từ viết tắt	iii
Các huyện và xã tham gia Chương trình	v
Tổng quát	vi
1 Phần giới thiệu	1
1.1 Xuất xứ, khái niệm và các bước chuẩn bị Chương trình	1
1.2 Các cơ quan thực hiện chính.....	1
1.3 Công tác soạn thảo Kế hoạch hàng năm.....	1
2 Mô tả Chương trình	2
2.1 Mục tiêu và mục đích của Chương trình.....	2
2.2 Các cấu phần của Chương trình	2
2.3 Các hoạch định đầu ra.....	3
2.4 Chiến lược thực hiện	4
2.5 Các hoạt động, lịch trình thực hiện và nguồn lực chính.....	4
3 Đánh giá về tiến độ và hiệu quả đạt được	9
3.1 Các thành quả đạt được chiếu theo các lĩnh vực kết quả then chốt.....	9
3.2 Các vấn đề đáng lưu ý.....	13
3.3 Các đề nghị điều chỉnh so với thiết kế chương trình	15
4 Kế hoạch hoạt động cho kỳ 7/2004 - 6/2005	16
4.1 Chiến lược Chương trình.....	16
4.2 Lịch trình về các hoạt động và nguồn lực	18
4.2.1 Lịch trình các hoạt động	18
4.2.2 Lịch trình các nguồn lực	22
4.2.3 Bố trí nhân sự trong Chương trình	22
4.3 Các đầu vào bên đối tác chính phủ	26
4.4 Phoois Program coordination.....	26
5 Kinh phí hoạt động	28
5.1 Kinh phí bên Chính phủ Ô-x-trây-li-a (GOA)	28
5.2 Kinh phí bên Chính phủ Việt Nam (GOV)	32

CÁC BẢNG

Bảng 1: Các chỉ báo theo dõi đầu ra theo phạm vi cấp xã và cấp huyện	3
Bảng 2: Hoạt động Chương trình được hoạch định cho kỳ 07/2004 - 06/2005..	19
Bảng 3: Bố trí về Chuyên gia Chương trình cho kỳ 07/2004 - 06/2005	24
Bảng 4: Tổng hợp chi tiêu từ ngân quỹ GOA - Năm 1 và Năm 2 (\$A).....	29
Bảng 5: Tổng hợp ngân sách GOA cho Năm 3 (A\$)	30
Bảng 6: Lưu chuyển tiền mặt bên GOA (A\$'000)	30
Bảng 7: Tổng hợp chi tiêu bên GOV - Năm 1 và Năm 2 (VN đồng)	33
Bảng 8: Tổng hợp ngân sách GOV dành cho Chương trình (A\$/tr. đồng)	33

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Tổng hợp phân bổ nguồn lực bên Chính phủ Ôx-trây-li-a	
Phụ lục 2: Kế hoạch phân bổ chi phí bên Chính phủ Ôx-trây-li-a	
Phụ lục 3: Kế hoạch lịch trình thực hiện	
Phụ lục 4: Tổng hợp về bố trí nhân sự	
Phụ lục 5: Tổng hợp về kế hoạch mua sắm trang bị	
Phụ lục 6: Dự kiến Đầu ra, Kế hoạch và Chi phí về Nâng cao năng lực	
Phụ lục 7: Tổng hợp về Ngân quỹ dành trước	
Phụ lục 8: Các Nội dung tham chiếu đầu vào Chuyên gia ngắn hạn	
Phụ lục 9: Sơ đồ Ban Quản lý Chương trình	
Phụ lục 10: Lịch trình theo dõi hoạt động	
Phụ lục 11: Kế hoạch chi phí thực hiện Chiến lược truyền thông	

Từ viết tắt

ACIAR	Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp quốc tế Ôx-trây-li-a
AG	Các nhóm hoạt động hộ gia đình
AMC	Nhà thầu quản lý Ôx-trây-li-a
AP	Kế hoạch hàng năm
APD	Giám đốc chương trình phía Ôx-trây-li-a
ASAS	Quỹ hỗ trợ các dự án nhỏ của Ôx-trây-li-a
ATL	Trưởng đoàn Ôx-trây-li-a
AusAID	Cơ quan phát triển quốc tế Ôx-trây-li-a
CBO	Chuyên viên nâng cao năng lực
CCG	Nhóm tiếp xúc xã
CEMMA	Ban dân tộc và miền núi Tỉnh Quảng Ngãi
CPC	Ủy ban nhân dân xã
DARD	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn
DCG	Nhóm tiếp xúc huyện
DDO	Nhân viên phát triển huyện
DNRE	Sở Tài nguyên và môi trường
DOET	Sở Giáo dục và đào tạo
DOF	Sở Thủy sản
DOH	Sở Y tế
DOLISA	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
DPC	Ủy ban nhân dân Huyện
DPI	Sở Kế hoạch và Đầu tư
FCO	Chuyên viên Tài chính và Tín dụng
GAD	Giới và Phát triển
GIS	Hệ thống thông tin vùng địa lý
GOA	Chính phủ Ôx-trây-li-a
GOV	Chính phủ Việt Nam
GPS	Hệ thống định vị toàn cầu
HH	Hộ gia đình
IEO	Chuyên viên về Cơ sở hạ tầng và Môi trường
KRA	Lĩnh vực kết quả then chốt
M&E	Theo dõi và đánh giá
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
M&E/GIS	Theo dõi & đánh giá/Hệ thống thông tin vùng địa lý
MEGO	Chuyên viên Theo dõi & đánh giá và hệ thống thông tin vùng địa lý
MOLISA	Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội
MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
NGO	Tổ chức phi chính phủ
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
O&M	Vận hành và bảo dưỡng
PAR	Cải cách hành chính công

PCC	Ban điều phối chương trình
PC/PA/PS	Điều tra/ Phân tích/ Giải quyết vấn đề
PDA	Cố vấn phát triển có sự tham gia
PDD	Văn kiện thiết kế Chương trình
PEMM	Cẩm nang hướng dẫn về quản lý môi trường của Chương trình
PMU	Ban quản lý Chương trình
PPC	Ủy ban nhân dân Tỉnh
PPP	Quy trình lập kế hoạch có sự tham gia
PSC	Ban chỉ đạo tỉnh đối với các dự án ODA
RUDEP	Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi
STA	Chuyên gia ngắn hạn
TAG	Đoàn cố vấn kỹ thuật
TBA	Thông tin hiện chưa sẵn có
TOT	Tập huấn tập huấn viên
VND	Đồng Việt Nam (xấp xỉ A\$1 = VND11,000)
VPD	Giám đốc Chương trình phía Việt Nam
VSCF	Quỹ tiết kiệm và tín dụng địa phương
WU	Hội Phụ nữ

Các huyện và xã tham gia Chương trình

Chu kỳ	Năm tham gia Chương trình	Huyện	Xã
Chu kỳ 1	2002	Mộ Đức	Đức Phong
		Sơn Tịnh	Tịnh Thọ
		Sơn Hà	Sơn Hải
Chu kỳ 2	2003	Nghĩa Hành	Hành Phước
		Đức Phổ	Phổ Châu
		Tư Nghĩa	Nghĩa Thọ
Chu kỳ 3	2004	Sơn Hà	Sơn Trung
		Sơn Hà	Sơn Giang
		Bình Sơn	Bình Minh
Chu kỳ 4	2005	Minh Long	Thành An
		Ba Tơ	Ba Nam
		Trà Bồng	Trà Bù
		Sơn Tây	Sẽ được xác định
		Tây Trà	Sẽ được xác định

Ghi chú:

'Chu kỳ' chỉ chuỗi thứ tự các xã tham gia vào chương trình.

Tây Trà là một huyện mới được thành lập năm 2004, tách ra từ Huyện Trà Bồng.

Tổng quát

Bản Kế hoạch hàng năm (AP) này của Chương trình phát triển nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP) được soạn thảo cho kỳ từ 01/7/2004 đến 30/6/2005 và là năm thứ nhì của Giai đoạn 2 của Chương trình. Kế hoạch này phản ánh thiết kế Chương trình và tại giai đoạn này chưa có thay đổi nào được ghi nhận là đòi hỏi cần có một khung thay đổi.

Tổng ngân sách phía Chính phủ Ô-x-trây-li-a (GOA) cho năm kế hoạch này ước tính là 3.002.144 đô la Ô-x-trây-li-a, bao gồm nhân sự dài hạn (43%), nhân viên phát triển huyện (5%), chuyên gia ngắn hạn (7%), mua sắm (3%), đào tạo tập huấn (3%), đi lại (1%) và các hoạt động (38%). Xét về cấu phần Chương trình, ngân sách được phân bổ như sau: Cấu phần 1 – tạo thu nhập (55%), Cấu phần 2 – cơ sở hạ tầng (19%), Cấu phần 3 – nâng cao năng lực (8%) và Cấu phần 4 – quản lý, theo dõi & đánh giá (18%). Phần vốn đối ứng từ Chính phủ Việt Nam cho năm kế hoạch này ước tính là 1.1 tỉ đồng (khoảng 100.000 đô la Ô-x-trây-li-a).

Kế hoạch hàng năm này cụ thể đề cập đến:

- Việc mở rộng Chương trình ra 3 xã mới thành tổng cộng 9 xã trên 7 huyện.
- Tiếp tục triển khai quy trình lập kế hoạch có sự tham gia và kết quả sẽ là các kế hoạch RUDEP cấp xã về các hoạt động được xác định từ người dân trong xã thuộc các lĩnh vực về tạo thu nhập, hỗ trợ đời sống và cơ sở hạ tầng.
- Mở rộng các quỹ Tiết kiệm và tín dụng (VSCF) trên 9 xã với sự hỗ trợ từ Hội Phụ nữ nhằm tăng cường các kỹ năng về hạch toán và quản lý của các quỹ.
- Liên tục đa dạng hoá các lựa chọn về hoạt động tạo thu nhập cho các hộ thông qua mô hình trình diễn, thử nghiệm của nông hộ và đầu vào chuyên gia ngắn hạn.
- Cung cấp hỗ trợ về kỹ thuật và hoạt động thị trường cho các nhóm hoạt động hộ (AG) và các quỹ VSCF.
- Hỗ trợ các nhóm hộ lập tờ trình dự án hỗ trợ đời sống liên quan đến các vấn đề y tế, giáo dục và tính dễ bị tổn thương.
- Hỗ trợ các nhóm hoạt động hộ soạn thảo các kế hoạch hoạt động mà sẽ giúp họ gia tăng và đa dạng hoá nguồn thu nhập đồng thời tự tin trong việc khắc phục các vấn đề khó khăn và đề ra giải pháp.
- Hỗ trợ các dự án cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ tại 9 xã được xác định qua quy trình lập kế hoạch có sự tham gia.
- Cung cấp một chương trình nâng cao năng lực dựa vào yêu cầu về khả năng thực hiện được công việc cho cán bộ các nhóm tiếp xúc xã (CCG), nhóm tiếp xúc huyện (DCG), Nhân viên Ban quản lý Chương trình (PMU) và các bên cung cấp dịch vụ.
- Tiếp tục phát triển Hệ thống Theo dõi & đánh giá/ thông tin vùng địa lý (M&E/GIS) như là một công cụ phục vụ cho sự quản lý và cải thiện chương trình.
- Thực hiện chiến lược truyền thông nhằm vào việc quảng bá chương trình cả trong và ngoài tỉnh.

1 Phần giới thiệu

1.1 Xuất xứ, khái niệm và các bước chuẩn bị Chương trình

Chương trình phát triển nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP) là kết quả cuối cùng của một chuỗi các hội thảo và nghiên cứu chuẩn bị được uỷ thác bởi Cơ quan Phát triển Quốc tế Úc (AusAID). Các hoạt động này khởi đầu vào năm 1997 và được thực hiện để xác định nội dung và đường lối cho một Chương trình nhằm đến giải quyết một cách bền vững về xoá đói giảm nghèo, tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm, nâng cao bình đẳng giới, cải thiện việc bảo vệ môi trường và cơ sở hạ tầng chiến lược tại miền trung Việt Nam.

Chính phủ Việt Nam (GOV) và AusAID đã chọn tỉnh Quảng Ngãi để hỗ trợ vì đây là tỉnh nghèo, có tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm hơn so với tốc độ tăng trưởng bình quân của cả nước và ít nhận được các nguồn vốn Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA) hơn so với các tỉnh khác.

Chương trình khởi đầu tại Quảng Ngãi vào tháng 8 năm 2001. Văn kiện Thiết kế Chương trình (PDD), được hoàn thành vào tháng 9 năm 2002, là sản phẩm của 13 tháng công tác chuẩn bị được tiến hành trong suốt Giai đoạn 1 của Chương trình. PDD sau đó đã được đồng chấp thuận bởi chính phủ Ô-x-trây-li-a và chính phủ Việt Nam. Giai đoạn 2 của Chương trình bắt đầu từ tháng 10/2002 và có thời gian thực hiện là 5 năm. Giai đoạn 3 theo hoạch định của Chương trình, theo thiết kế là giai đoạn mở rộng kéo dài trong 4 năm.

1.2 Các cơ quan thực hiện chính

Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi (PPC) chỉ định Sở Kế hoạch và đầu tư (DPI) là cơ quan đối tác cùng làm việc với RUDEP, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư là Giám đốc Chương trình phía Việt Nam và đồng Giám đốc trong Ban quản lý Chương trình (PMU). Vừa qua, PPC đã đồng ý sẽ chỉ định các cán bộ đầu mối tại các đơn vị chính của Tỉnh mà RUDEP sẽ làm việc để tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên lạc và tăng cường quan hệ làm việc giữa RUDEP và các cơ quan. Các đơn vị này gồm: Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn (DARD), Sở Lao động, thương binh và xã hội (DOLISA), Sở Thủy sản (DOF), Hội phụ nữ (WU), Sở Y tế (DOH), Sở Tài nguyên và môi trường (DNRE), Sở Giáo dục và đào tạo (DOET), Ban Dân tộc và miền núi (CEMMA), v.v.

1.3 Công tác soạn thảo Kế hoạch hàng năm

Bản Kế hoạch hàng năm được Trường đoàn Ô-x-trây-li-a (ATL) xây dựng qua làm việc với Phó giám đốc DPI, Giám đốc Chương trình phía Ô-x-trây-li-a và các nhân viên trong PMU. Kế hoạch đề cập đến các vấn đề sau:

- Văn kiện thiết kế Chương trình (PDD), gồm cả Ma trận Khung Logic.
- Các bài học kinh nghiệm từ Giai đoạn 1 và hai năm đầu của Giai đoạn 2.
- Các thảo luận và các trao đổi đang tiếp diễn giữa Tổ chuyên gia, DPI và các bên tham gia liên quan khác.
- Các ý kiến đề xuất từ Đoàn cố vấn kỹ thuật của Chương trình (TAG) và các đại diện AusAID.

2 Mô tả Chương trình

RUDEP là một Chương trình có thời hạn hoạt động là 10 năm với nguồn vốn tài trợ từ Chính phủ Ô-x-trây-li-a khoảng 30 triệu đô la Úc và nguồn vốn đối ứng từ Chính phủ Việt Nam khoảng 3 triệu đô la Úc. Chương trình đang được thực hiện theo ba giai đoạn:

- Giai đoạn 1 kéo dài từ tháng 8/2001 đến tháng 10/2002 và là giai đoạn thiết kế Chương trình được thực hiện với phần kinh phí là 2,6 triệu đô la Úc.
- Giai đoạn 2 là giai đoạn thực hiện đầu tiên và sẽ kéo dài trong 5 năm, từ tháng 10/2002 đến tháng 10/2007 với nguồn kinh phí hoạt động ước tính 14,7 triệu đô la Úc.
- Giai đoạn 3 sẽ là giai đoạn mở rộng chương trình, kéo dài từ tháng 10/2007 đến tháng 10/2011.

2.1 Mục tiêu và mục đích của Chương trình

Mục tiêu của Chương trình là góp phần vào công cuộc phát triển nông thôn, quản lý nhà nước và giảm nghèo tại các xã được lựa chọn trong Tỉnh Quảng Ngãi.

Mục đích là nâng cao khả năng các hộ gia đình nghèo tại các xã lựa chọn tại Tỉnh Quảng Ngãi nhằm cải thiện đời sống một cách bền vững thông qua các hoạt động tăng thu nhập trong khuôn khổ rủi ro của người nghèo.

2.2 Các cấu phần của Chương trình

RUDEP có 4 cấu phần hoạt động là:

1. **Tạo thu nhập nông thôn khởi xướng từ hộ gia đình:** để trợ giúp các hộ gia đình cải thiện các hoạt động tạo thu nhập hiện thời cũng như áp dụng những hoạt động mới cả về nông nghiệp và phi nông nghiệp trong phạm vi nguồn lực mà họ sẵn có nhằm sử dụng các nguồn lực hữu ích hơn nữa; áp dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ hiện đại; đa dạng hoá cơ sở thu nhập; đồng thời hỗ trợ cơ hội phát triển các ngành nghề vi mô. Cấu phần này hỗ trợ các hộ gia đình nhận biết, ưu tiên và giải quyết những trở ngại then chốt trong quá trình cải thiện cách thức tạo thu nhập; tìm cách giúp các hộ tận dụng hiệu quả hơn nữa các tài sản hiện có; giới thiệu các kỹ thuật tiên tiến phù hợp và đa dạng hoá cơ sở tạo thu nhập của hộ.
2. **Xây dựng cơ sở hạ tầng dựa trên địa bàn xã:** để góp phần vào việc xác định, tài trợ, xây dựng và duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ dựa vào cộng đồng trên địa bàn cấp xã giúp nâng cao đời sống và tạo điều kiện cho các hoạt động tạo thu nhập. Cấu phần này đặc biệt trọng tâm vào việc cung cấp các công trình hạ tầng quy mô nhỏ đáp ứng các nhu cầu của địa phương xã và hộ gia đình đã được xác định từ quy trình lập kế hoạch có sự tham gia.
3. **Nâng cao năng lực cấp xã, huyện và tỉnh** để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ địa phương và các bên cung cấp dịch vụ tiềm năng khác nhằm góp phần đáp ứng các nhu cầu hoạch định và thực hiện Chương trình ăn khớp với các kế hoạch có sự tham gia của các cộng đồng nông thôn nghèo tại các cấp tỉnh, huyện và xã. Cấu phần này nhằm vào việc củng cố năng lực của các cơ quan chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan khác để có được sự hỗ trợ phù hợp, kịp thời và có hiệu quả cho các hộ gia đình và các xã trong quá trình lập và thực hiện các kế hoạch hàng năm được định hướng theo nhu cầu.
4. **Quản lý, theo dõi và đánh giá chương trình:** để quản lý, theo dõi và đánh giá việc thực hiện Chương trình một cách hiệu suất và có hiệu quả; đảm bảo rằng các nguồn

lực chương trình được quản lý đạt hiệu suất và hiệu quả và các bên tham gia liên quan ở mọi cấp đều sở hữu các sáng kiến của Chương trình để tăng thu nhập và xoá đói giảm nghèo nông thôn một cách bền vững.

2.3 Các hoạch định đầu ra

Chương trình đã xác định 4 Lĩnh vực kết quả then chốt mà Chương trình sẽ tác động, đó là: sự trao quyền, thu nhập gia tăng, đời sống cải thiện và sự bền vững. Bảng 1 dưới đây trình bày những chỉ báo đồng hành với các Lĩnh vực kết quả then chốt này tại cấp đầu ra. Hàng năm Chương trình sẽ thu thập dữ liệu về các chỉ báo này và xây dựng thành một chuỗi thời gian để giúp nhận biết các xu hướng.

Bảng 1: Các chỉ báo theo dõi đầu ra theo phạm vi cấp xã và cấp huyện

Lĩnh vực kết quả then chốt	Chỉ báo đầu	Chỉ báo sau
Sự trao quyền	<ul style="list-style-type: none"> Số hộ lữ kế tham gia vào các chu kỳ lập kế hoạch lặp lại. Tỉ lệ hộ trong xã tham gia vào các quy trình lập kế hoạch Số kế hoạch hoạt động được lập ra và được tài trợ Số cán bộ chính quyền đáp ứng các tiêu chí về năng lực để hỗ trợ cho các quy trình lập kế hoạch có sự tham gia. 	<ul style="list-style-type: none"> Xu hướng quan niệm của người tham gia về năng lực của họ. Số xã ngoài chương trình áp dụng theo quy trình lập kế hoạch có sự tham gia cho đầu tư phát triển
Đời sống cải thiện	<ul style="list-style-type: none"> Tỉ lệ hộ tham gia thuộc diện “hộ nghèo” theo tiêu chí của SLD, TB&XH. Địa điểm và quy mô công trình hạ tầng cấp xã được xây dựng. Tỉ lệ công trình cơ sở hạ tầng cấp xã do Chương trình hỗ trợ được báo cáo là đang sử dụng và được duy tu bảo dưỡng Tỉ lệ hộ áp dụng theo các gói kỹ thuật đã được trình diễn. Số mô hình chăm sóc sức khoẻ phụ nữ được thực hiện Số nhân khẩu trong các hộ tham gia thường di cư làm ăn theo mùa. 	<ul style="list-style-type: none"> Xu hướng quan niệm của người tham gia về đời sống của họ. Tỉ lệ thanh thiếu niên ở độ tuổi trung học đang đi học Các xu hướng trong các chỉ báo về tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em.
Thu nhập được gia tăng	<ul style="list-style-type: none"> Tỉ lệ hộ tham gia chương trình bị nợ quá hạn vốn vay từ Quỹ Hoạt động. Số mô hình trình diễn được thực hiện tính theo loại và theo địa điểm. Địa điểm và mức độ các gói kỹ thuật hoàn chỉnh được áp dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> Xu hướng về thu nhập thực tế của hộ tại các xã tham gia theo báo cáo. Xu hướng quan niệm của người tham gia về thu nhập hộ gia đình của họ. Sự thay đổi về quy mô của các Quỹ Hoạt động do người tham gia Chương trình quản lý.
Sự bền vững	<ul style="list-style-type: none"> Tỉ lệ nguồn ngân sách thực hiện các kế hoạch hoạt động lấy từ những nguồn bên ngoài Chương trình. Tỉ lệ nguồn ngân sách thực hiện các kế hoạch cơ sở hạ tầng cấp xã lấy từ bên ngoài Chương trình. Tỉ lệ các ngân sách về nâng cao năng lực lấy từ nguồn ngoài Chương trình. Tỉ lệ hộ tham gia tốt nghiệp đối với tín dụng định chế. 	<ul style="list-style-type: none"> Xu hướng quan niệm của người tham gia về tính bền vững của hoạt động Tỉ lệ các nhóm hộ tốt nghiệp về soạn thảo các kế hoạch hàng năm một cách độc lập. Tỉ lệ ngân sách thực hiện Kế hoạch hoạt động là nguồn của người tham gia.

Phụ lục 10 đưa ra một tổ hợp các chỉ báo và chỉ tiêu theo dõi hoạt động và các chỉ báo và chỉ tiêu này sẽ được sử dụng như một công cụ quản lý để đo lường sự tiến triển đồng thời nhận biết các lĩnh vực trở ngại tiềm ẩn trong quá trình thực hiện.

2.4 Chiến lược thực hiện

Chiến lược thực hiện chương trình vẫn theo như hoạch định trong PDD và có thể được điều chỉnh qua quá trình thực hiện Kế hoạch hàng năm và/hoặc các cuộc họp Ban điều phối chương trình (PCC) để đáp ứng các nhu cầu và ưu tiên phát sinh.

Như đã trình bày chi tiết trong PDD, Chương trình dựa trên ba yếu tố then chốt là:

- **Sự tham gia:** Đây là một quy trình tổng thể liên quan đến mọi bên tham gia trong các quy trình tạo thu nhập và phát triển nông thôn. Nó là một đường lối tiếp cận kết hợp đối với toàn bộ quá trình hoạch định về phát triển nông thôn trong đó các bên tham gia cùng liên kết với nhau để phát triển và thực hiện các chương trình và kế hoạch đã được thống nhất.
- **Nâng cao năng lực được trọng tâm:** Hoạt động này nhằm mục tiêu vào hộ nghèo và đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp; đồng thời đánh giá về kiến thức và sự nhận biết các dịch vụ nâng cao năng lực cần thiết để tối ưu hoá các kết quả từ các hoạt động tạo thu nhập.
- **Các Quỹ tiết kiệm và tín dụng địa phương:** các quỹ này được sử dụng để “tái sinh” hoạt động trợ giúp được tài trợ bởi Chương trình. Chương trình sẽ khuyến khích các nhóm hộ gia đình hình thành các nhóm quỹ tiết kiệm và tín dụng địa phương ban đầu sẽ là dựa trên hoạt động và dần dần sẽ dựa theo nhu cầu tín dụng. Quỹ sẽ được các thành viên trong nhóm sử dụng xoay vòng để phát triển các hoạt động đang diễn ra và đang nhân rộng.

Để quy trình này Chương trình đã bổ nhiệm các Nhân viên phát triển huyện (DDO) xuống làm việc thường trực tại các huyện tiếp xúc và hỗ trợ việc thực hiện Chương trình. Các DDO giữ một vai trò chiến lược và đa phương diện. Nơi làm việc cho các DDO tại các văn phòng trung tâm huyện sẽ nâng cao tính sở hữu của hộ gia đình và chính quyền địa phương đối với những khởi xướng của Chương trình và tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia liên tục vào Chương trình.

RUDEP nhắm mục tiêu các xã nghèo được lựa chọn, ở điều kiện thực tiễn và có thể được, dựa theo tiêu chí về xã thuộc diện nghèo của Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội (MOLISA) (xã có trên 25% số hộ nghèo, theo Quyết định số 587/2002/QĐ-LDTBXH ngày 22 tháng 5 năm 2002). Theo ý nghĩa này, những đối tượng hưởng lợi cơ bản của RUDEP sẽ là những hộ nghèo và nhóm hộ nghèo tại mỗi xã được chọn lựa.

2.5 Các hoạt động, lịch trình thực hiện và nguồn lực chính

Các hoạt động Chương trình đã được xác định trong khung logic của PDD được trình bày dưới đây. Lịch trình dự tính đối với việc thực hiện và sử dụng nguồn lực vẫn căn cứ theo PDD.

1. **Cấu phần: Tạo thu nhập nông thôn được khởi xướng từ hộ gia đình:** Trợ giúp hộ gia đình cải thiện các hoạt động tạo thu nhập hiện thời và áp dụng các hoạt động tạo thu nhập mới cả về nông nghiệp và phi nông nghiệp trong phạm vi nguồn lực mà họ sẵn có, nhằm:
 - sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả hơn nữa;
 - áp dụng các kỹ thuật và công nghệ hiện đại;
-

- đa dạng hoá cơ sở thu nhập; và
- hỗ trợ cơ hội phát triển đối với các ngành nghề vi mô.

1.1. Đầu ra: Các bên tham gia có năng lực để tham gia tích cực vào các quy trình lập kế hoạch hoạt động.

- 1.1.1. Các hội thảo/ hội nghị chuyên đề dành cho các đối tượng tham gia liên quan để nâng cao năng lực phục vụ cho các quy trình có sự tham gia.
- 1.1.2. Các cuộc họp lập kế hoạch thôn tổ chức với các hộ gia đình.

1.2. Đầu ra: Các bên tham gia có năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động tạo thu nhập phù hợp xét theo các khía cạnh kỹ thuật, giới, và môi trường; cũng như các phương án lựa chọn cho các hoạt động tạo thu nhập phi nông nghiệp và xác định các nguồn tài trợ cho các thiếu hụt về tài chính.

- 1.2.1. Lập kế hoạch, định thời biểu và tiến hành quy trình lập kế hoạch có sự tham gia hàng năm với đội ngũ cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã và các hộ tham gia.
- 1.2.2. Lồng những bài học kinh nghiệm (cả những nguồn hỗ trợ và tín dụng được xác định) từ những lần lập đi lập lại trước của quy trình lập kế hoạch có sự tham gia vào việc lập kế hoạch và quản lý các hoạt động tạo thu nhập.

1.3. Đầu ra: Các bên tham gia có năng lực thực hiện các hoạt động sinh lợi và tạo thu nhập góp phần đa dạng hoá đời sống sinh kế, kích thích thành phần dịch vụ, và vận dụng thích đáng về kỹ thuật, quản lý tài chính và các nguồn tín dụng.

- 1.3.1. Thực hiện các mô hình trình diễn từ một loạt các lựa chọn gồm nông lâm nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt, và các dịch vụ phi nông nghiệp nêu bật nhu cầu về các dịch vụ/ những nhà cung cấp dịch vụ đồng hành để trợ giúp việc áp dụng và nhân rộng các hoạt động tạo thu nhập.
- 1.3.2. Hình thành các nhóm hỗ trợ liên quan đến các hoạt động đẩy mạnh kiến thức & dịch vụ về hoạt động thị trường, quản lý dịch hại, các kỹ thuật và dịch vụ tín dụng phù hợp.
- 1.3.3. Xác định và tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung ứng những nguồn tín dụng thích hợp bao gồm việc phát triển các quỹ hoạt động tự quản.
- 1.3.4. Tập huấn có trọng tâm cho các bên cung cấp dịch vụ khi cần.
- 1.3.5. Tổ chức các vòng tham quan học hỏi và tập huấn thực nghiệm cho nông hộ.
- 1.3.6. Hướng dẫn các nhóm đảm đương thêm trách nhiệm về tài chính và kỹ thuật cho các hoạt động đang tiếp diễn và hướng đến tốt nghiệp.

1.4. Đầu ra: Các bên tham gia rút ra các bài học từ quá trình thực hiện và phản ánh những kinh nghiệm này trong các kế hoạch hoạt động hàng năm kế tiếp do họ soạn thảo.

- 1.4.1. Giúp các hộ trong nhóm hoạt động xây dựng quy trình lập kế hoạch hàng năm dựa trên kết quả điều tra/ phân tích/ giải quyết vấn đề (PC/PA/PS), rà soát tiến độ với kế hoạch hiện thời, các hoàn cảnh đã thay đổi và các cơ hội mới.
- 1.4.2. Phát triển cơ sở dữ liệu Chương trình và các phân tích dữ liệu, theo dõi các hoạt động và các quỹ hoạt động.

- 1.4.3. Thiết lập và sử dụng các quỹ hoạt động hoặc các cơ chế khác, và các nguồn tín dụng hỗ trợ người nghèo.
- 1.4.4. Tiến hành các khảo sát như là một phần trong quy trình PC/PA/PS hàng năm của các nhóm hoạt động hộ để đánh giá các quan niệm về những lợi ích từ quy trình lập kế hoạch có sự tham gia (PPP) về tạo thu nhập và nâng cao đời sống.
- 1.4.5. Hướng dẫn các nhóm ngày càng hợp nhất vào các nhóm phát triển được định hướng theo thôn với các kế hoạch phát triển thôn bản hàng năm trên cơ sở tự lực từ nguồn vốn tích lũy trong quỹ hoạt động hoặc từ nguồn khác.
- 1.4.6. Các kế hoạch cụ thể - dựa trên nhu cầu, bài học kinh nghiệm, và chiến lược truyền thông - được soạn thảo cho các hoạt động khả thi và đệ trình lên các cơ quan tài trợ liên quan.
- 1.4.7. Xây dựng và rà soát cảm nang hoạt động và các tiêu chí, hướng dẫn hoạt động.

2. Cấu phần: Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn xã: để góp phần vào việc xác định, tài trợ, xây dựng và bảo trì cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ trên địa bàn cấp xã định hướng theo cộng đồng nhằm nâng cao đời sống và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tạo thu nhập.

2.1. Đầu ra: cơ sở hạ tầng cấp xã quy mô nhỏ được hoạch định và thực hiện.

- 2.1.1. Các mục cơ sở hạ tầng nông thôn được các hộ trong xã xác định.
- 2.1.2. Các mục cơ sở hạ tầng được thiết kế và giải trình dựa trên các quy định hướng dẫn Chính phủ Úc và Chính phủ Việt nam về mua sắm trang bị.
- 2.1.3. Các mục cơ sở hạ tầng nông thôn được xây dựng kèm theo kế hoạch vận hành và duy tu bảo dưỡng (O&M).
- 2.1.4. Đánh giá cơ sở hạ tầng có sự tham gia bởi các hộ hưởng lợi và theo quy trình của các cấp chính quyền xã, huyện và tỉnh.
- 2.1.5. Tìm kiếm và thu hút các nguồn lực ngoài chương trình để hỗ trợ việc xây dựng và vận hành, duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng theo các kế hoạch hoạt động đã được phê duyệt của Chương trình.
- 2.1.6. Cơ sở hạ tầng nông thôn được chính quyền nghiệm thu và được bàn giao.
- 2.1.7. Tập huấn, hướng dẫn về việc lập tờ trình xin dự án cơ sở hạ tầng và thiết kế hoạt động.

2.2. Đầu ra: cơ sở hạ tầng cấp xã quy mô nhỏ được đưa vào sử dụng và được duy tu bảo dưỡng.

- 2.2.1. Đội ngũ cán bộ xã được huấn luyện về các thủ tục vận hành và bảo dưỡng các hoạt động cơ sở hạ tầng do Chương trình hỗ trợ.
 - 2.2.2. Phê duyệt các kế hoạch bảo dưỡng và các bố trí vận hành đối với cơ sở hạ tầng cấp xã quy mô nhỏ do Chương trình hỗ trợ.
 - 2.2.3. Theo dõi việc vận hành và bảo dưỡng, số hộ sử dụng cơ sở hạ tầng, các hưởng lợi của hộ theo chỉ báo, sự kết hợp giữa sự hưởng lợi và sự đóng góp của hộ gia đình, hoạt động vận hành và bảo dưỡng.
-

2.3. Đầu ra: Các bên tham gia rút ra các bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện, vận hành và duy tu bảo dưỡng các cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ và phản ánh các bài học vào các kế hoạch cơ sở hạ tầng kế tiếp.

- 2.3.1. Điều chỉnh có sự tham gia các chiến lược thông qua việc vận dụng các bài học thu thập từ việc đánh giá cơ sở hạ tầng bởi hộ hưởng lợi và từ quy trình đánh giá cơ sở hạ tầng của chính quyền tỉnh, huyện, và xã.
- 2.3.2. Áp dụng các bài học đã thu lượm được để cải thiện sự tiếp cận các nguồn lực ngoài chương trình nhằm giúp tài trợ các kế hoạch hoạt động đã được phê duyệt của Chương trình.

3. Cấu phần: Nâng cao năng lực cấp Tỉnh, Huyện và Xã: Nâng cao năng lực độ ngũ cán bộ chính quyền và các bên cung cấp dịch vụ tiềm năng khác để góp phần đáp ứng các nhu cầu hoạch định và thực hiện của Chương trình được gắn liền vào các kế hoạch có sự tham gia của các cộng đồng nông thôn nghèo ở các cấp tỉnh, huyện và xã.

3.1. Đầu ra: đội ngũ cán bộ chính quyền và các bên cung cấp dịch vụ tiềm năng có năng lực và động lực tích cực hỗ trợ sự hoạch định có sự tham gia của Chương trình và sự thực hiện hoạt động bởi các xã và các nhóm hộ.

- 3.1.1. Các bên cùng hợp tác việc xây dựng/ thích nghi và thông tin quy trình hoạt động để hỗ trợ quy trình hoạch định có sự tham gia bởi các xã và các nhóm hộ. Rà xét và nhất trí những thay đổi về các nội dung yêu cầu công việc của những người tham gia là cán bộ chính quyền nếu cần. Xác định các tiêu chí để dựa theo đó có thể đánh giá được năng lực hỗ trợ.
- 3.1.2. Phối hợp việc hình thành các nhóm tiếp xúc tỉnh, huyện và xã và nâng cao năng lực của các nhóm tiếp xúc để họ có thể tích cực tham gia hỗ trợ các hoạt động của Chương trình.
- 3.1.3. Giúp các bên hỗ trợ xác định các nhu cầu cần được đào tạo tập huấn của họ để đáp ứng các yêu cầu cần hỗ trợ của người tham gia Chương trình.
- 3.1.4. Huấn luyện các bên hỗ trợ theo các nhu cầu và các quy trình hoạt động đã được xác định.
- 3.1.5. Đánh giá khả năng thực hiện công việc trong thực tiễn của các bên hỗ trợ dựa trên các tiêu chí được đề cập ở mục 3.1.1, và xác định các cơ hội cải thiện cho lần huấn luyện kế tiếp.

3.2. Đầu ra: Cán bộ chính quyền và các bên cung cấp dịch vụ tham gia Chương trình có đủ năng lực để nhận biết và thu hút các nguồn tài trợ ngoài Chương trình và những nguồn lực khác để đáp ứng các nhu cầu trong những kế hoạch hoạt động được soạn thảo với các cộng đồng nông thôn nghèo.

- 3.2.1. Thực hiện việc phân tích tính thể chế của các tổ chức có thể hỗ trợ việc soạn thảo có sự tham gia các kế hoạch hàng năm và việc thực hiện tài trợ các kế hoạch này.
- 3.2.2. Giúp các bên tham gia của Chương trình soạn thảo các tờ trình xin tài trợ và những nguồn lực khác để hỗ trợ việc thực hiện các kế hoạch hoạt động hàng năm.
- 3.2.3. Theo dõi tình hình phê duyệt hồ sơ xin tài trợ bởi các đối tác đầu tư và thông báo tình hình cho các xã và nhóm hộ gia đình tham gia.

4. Cấu phần: Quản lý, theo dõi và đánh giá Chương trình: Quản lý, theo dõi và đánh

giá việc thực hiện Chương trình đạt hiệu suất và hiệu quả.

4.1. Đầu ra: Chương trình được thực hiện một cách thành công theo tiến độ và nằm trong phạm vi ngân sách.

- 4.1.1. Ban Quản lý Chương trình hoạt động.
- 4.1.2. Các thủ tục được văn kiện hoá.
- 4.1.3. Các kế hoạch hàng năm được phê duyệt.
- 4.1.4. Chiến lược thông tin được thực hiện.
- 4.1.5. Các hệ thống theo dõi và đánh giá được thiết lập và hoạt động có hiệu quả.
- 4.1.6. Chiến lược kết thúc và chuyển giao được thực hiện thành công.

4.2. Đầu ra: Cán bộ đối tác phía chính phủ Việt Nam ở các cấp nhà nước, tỉnh, huyện và xã có quyền sở hữu trong Chương trình và tích cực đồng định hướng việc thực hiện.

- 4.2.1. Trưởng đoàn Ôx-trây-lia (ATL) và các thành viên trong đoàn tích cực thông tin và gắn kết với các đối tác hoạt động phía chính phủ Việt Nam.
 - 4.2.2. Cán bộ đối tác tích cực thực hiện các vai trò và trách nhiệm của mình.
 - 4.2.3. Các cuộc họp thường kỳ Ban điều phối chương trình được hoạch định và tổ chức.
-

3 Đánh giá về tiến độ và hiệu quả đạt được

3.1 Các thành quả đạt được chiếu theo các lĩnh vực kết quả then chốt

Đến nay, Chương trình đã đạt được các kết quả như sau:

Cấu phần 1: Tạo thu nhập nông thôn được khởi xướng từ hộ gia đình:

- Đã xây dựng, thảo luận và đạt được sự thống nhất về quy trình lập kế hoạch có sự tham gia mà sẽ đưa đến các kế hoạch cấp xã cho các các hoạt động của RUDEP dựa vào sự tiếp cận có sự tham gia.
- Đã hoàn tất các cuộc họp lập kế hoạch tại 3 xã Chu kỳ 1 trong năm 2002, hoàn tất các cuộc họp lập kế hoạch tại 3 xã Chu kỳ 2 trong năm 2003 và hiện nay đang tiến hành các cuộc họp lập kế hoạch cấp thôn tại 9 xã trong năm 2004 (gồm các cuộc họp lập lại cho 3 xã Chu kỳ 1 và 3 xã Chu kỳ 2 và các cuộc họp lần đầu tại 3 xã Chu kỳ 3).
- 36 mô hình trình diễn chăn nuôi (vỗ béo bò, nuôi heo thâm canh và nuôi gà) đã được hoàn thành tại 6 xã trong năm 2003. Các mô hình này được thực hiện bởi Trung tâm khuyến nông tỉnh và mỗi mô hình trình diễn đều bao gồm các hoạt động tập huấn kỹ thuật và tổ chức tham quan học hỏi cho nông hộ. Hội thảo tổng kết cho các mô hình trình diễn này đã được thực hiện vào tháng 12/2003 để rút ra các bài học kinh nghiệm cho vòng mô hình trình diễn kế tiếp của Chương trình.
- Hiện nay Chương trình đang trong quá trình hợp đồng với các đơn vị địa phương (Trung tâm khuyến nông, Trung tâm khuyến ngư, Chi cục bảo vệ thực vật và 6 trạm khuyến nông huyện) để thực hiện 24 loại mô hình trình diễn nông nghiệp khác nhau thông qua 14 hợp đồng (trong đó có 6 hợp đồng đã đưa vào thực hiện vào tháng 3/2004). Mọi ý tưởng về loại mô hình trình diễn đều được đưa ra từ các hộ trong các nhóm hoạt động và được hỗ trợ bởi Nhóm tiếp xúc xã (CCG) của địa phương. Mỗi mô hình trình diễn đều bao gồm các buổi tập huấn kỹ thuật và các vòng tham quan học hỏi tổ chức cho nông hộ và một hội thảo tổng kết để rút bài học kinh nghiệm cho các hoạt động trong tương lai.
- Các đầu vào ngắn hạn về chăn nuôi, hoạt động thị trường chăn nuôi, các hệ thống canh tác, vườn nhà, chế biến nông sản, nuôi trồng thủy sản và thú y đã hỗ trợ cho các hoạt động nông nghiệp của Chương trình và cung cấp các thông tin và các ý tưởng hữu ích cho các mô hình trình diễn trong tương lai.
- Hiện nay có 33 quỹ VSCF đang hoạt động tại 6 xã với 769 thành viên, trong đó 50% là phụ nữ và tổng vốn 'giống' là 2,331 tỉ đồng. 12 quỹ VSCF tiếp theo hiện đang trong giai đoạn chuẩn bị và sẽ đi vào hoạt động vào tháng 6/ 2004.
- Quy chế hoạt động quỹ VSCF đã được phê duyệt vào năm 2003 và một đợt tổng kết 6 tháng đã được tiến hành vào tháng 1/2004, tiếp theo sau đó là các đầu vào Chuyên gia ngắn hạn (STA) về lĩnh vực tài chính vi mô và tài chính nông thôn. Từ các hoạt động này, những thay đổi nhất định đối với Quy chế hoạt động quỹ hiện nay đang được xem xét.
- Công tác tập huấn cho các thành viên và các ban quản lý trong các quỹ đã được thực hiện cho 33 quỹ. Công tác tập huấn này ban đầu được thực hiện bởi nhân viên của RUDEP và đã có sự chuyển giao dần dần để đến nay toàn bộ đều được các đơn vị Hội phụ nữ thực hiện.

- Các hợp đồng với các đơn vị hội phụ nữ cấp tỉnh và cấp huyện để tổ chức tập huấn cho quỹ VSCF và hỗ trợ thường xuyên cho các quỹ đã được ký kết và nay đang được thực hiện. Các hợp đồng tập huấn này dựa trên yêu cầu về khả năng thực hiện được công việc của học viên và cán bộ Hội phụ nữ được tập huấn trước về quy chế hoạt động quỹ cùng với các kỹ năng tập huấn tập huấn viên.
- 66 Nhóm hoạt động hộ về tạo thu nhập đang hoạt động tại 6 xã với 1.650 hộ thành viên trong đó 45% là phụ nữ. Các nhóm này bắt đầu bằng việc tham gia vào các mô hình trình diễn và sau đó có thể chuyển thành các thành viên quỹ VSCF nếu họ có nguyện vọng tham gia quỹ.
- Đã thực hiện được 578 hoạt động nâng cao năng lực trên 9 xã trong thời gian từ tháng 7/2003 đến tháng 2/2004, gồm 149 buổi tập huấn thực nghiệm qua mô hình trình diễn cho nông hộ, 47 hội thảo, 48 khóa tập huấn, 27 chuyên tham quan học hỏi và 319 cuộc họp nhóm. Các hoạt động này được tham gia với 11.712 lượt người trong đó 39% là phụ nữ. (Lưu ý đây là những sự kiện chỉ cho các hộ trong xã và không bao gồm các sự kiện tập huấn cũng như các sự kiện khác dành cho các cán bộ CCG, DCG, PMU và Tỉnh).
- 16 Nhóm hoạt động hộ về hỗ trợ đời sống đã được thành lập trên 4 xã với tổng số 394 hộ thành viên. Các nhóm này đã thành lập để giải quyết các vấn đề về tính dễ bị tổn thương bởi lũ lụt, suy dinh dưỡng trẻ em và đi lại an toàn cho trẻ em đến trường (hỗ trợ thuyền qua sông).
- Chương trình đã làm việc với Dự án giảm nhẹ thiên tai Quảng Ngãi để xác định các cách tiếp cận về giảm nhẹ thiên tai mà có thể được áp dụng trong các xã và được đưa ra trong các cuộc họp lập kế hoạch cấp thôn.
- Một dự án về chăm sóc sức khỏe phụ nữ đã được tiến hành tại xã Đức Phong với sự cộng tác của Phòng Y tế Huyện. Kinh nghiệm thu được từ việc thực hiện dự án này hiện đang được vận dụng cho các nhóm hoạt động về hỗ trợ đời sống tại các xã khác.
- Một dự án của Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp quốc tế Ôx-trây-li-a (ACIAR) về 'Cải thiện nuôi bò thịt tại Miền trung Việt Nam' đã được phê duyệt và Trưởng đoàn Ôx-trây-li-a và một đại diện của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Ngãi (DARD) sẽ là các đại diện trong ban chỉ đạo dự án. Dự án này là kết quả từ lần tham dự của ACIAR trong hội thảo về "Tạo thu nhập bằng chăn nuôi cho các hộ nghèo nông thôn" do Chương trình tổ chức vào tháng 2/2003. RUDEP và DARD sẽ hỗ trợ việc nhân rộng các kết quả từ dự án cho các nông hộ tại Quảng Ngãi.

Các vấn đề: Việc nhắm mục tiêu vào hộ nghèo đối với các quỹ VSCF cũng như các hoạt động khác của RUDEP cần phải được theo đuổi một cách tích cực. Số hộ nghèo trong các nhóm hoạt động chỉ chiếm 27% và thậm chí còn ít hơn ở các quỹ. Các mô hình trình diễn sẽ được thiết kế trọng tâm hơn nữa vào các nhu cầu và nguồn lực của hộ nghèo hơn là những hộ có thu nhập cao hơn. Việc soạn thảo các hợp đồng dịch vụ có khuynh hướng bị chậm và thiếu hiệu quả do có quá nhiều thời gian bị hút vào những thảo luận về những số tiền rất nhỏ nhặt. Hiện nay chúng tôi đã thống nhất được các định mức hợp đồng mà sẽ giúp cho việc thông qua hợp đồng được dễ dàng hơn. RUDEP cũng đã bắt đầu làm việc với các cơ quan thực hiện để trong các mô hình trình diễn các tiếp cận khuyến nông trọng tâm vào nông hộ hơn là các loại hình tập huấn truyền thống. Cơ chế về chuyển ngân vốn tài trợ cho các Nhóm hoạt động hộ thực hiện các dự án hỗ trợ đời sống và các hoạt động nông hộ thử nghiệm quy mô nhỏ đã mất sáu tháng để đạt được sự thống nhất.

Cấu phần 2: xây dựng cơ sở hạ tầng dựa trên phạm vi xã

- Tài liệu hướng dẫn về cơ sở hạ tầng đã được phê duyệt và 6 nhóm tiếp xúc xã đã được tập huấn về việc áp dụng.
- Tính từ lúc khởi đầu Giai đoạn 1, đến nay có tổng cộng 20 dự án cơ sở hạ tầng được xác định đối với RUDEP. Trong đó, 8 dự án đã được hoàn thành, 4 dự án hiện đang thi công và 8 dự án còn lại đang trong giai đoạn thiết kế và hợp đồng thi công dự kiến sẽ được ký vào tháng 4/2004.
- 18 Nhóm hoạt động hộ về cơ sở hạ tầng trên 6 xã nay đã đi vào hoạt động và các hộ trong các nhóm này đã họp và thảo luận về hồ sơ tờ trình và thiết kế dự án, đồng thời cũng đã được tập huấn về giám sát, vận hành và duy tu bảo dưỡng cho dự án của họ.
- Các đánh giá tác động môi trường đã được soạn thảo cho mỗi dự án cơ sở hạ tầng.
- Chuyên gia ngắn hạn về môi trường đã thực hiện một đợt công tác đầu vào rà soát lại các hoạt động về môi trường và cập nhật Cẩm nang Quản lý Môi trường của Chương trình (PEMM), đồng thời hỗ trợ việc soạn thảo một Chính sách về Môi trường cho RUDEP.
- RUDEP đã hỗ trợ việc xây dựng 6 dự án thuộc quỹ ASAS ở 5 xã. 3 dự án đã được hoàn thành, 1 đang thi công và 2 dự án đã hoàn thành thi công nhưng còn chờ thiết bị. RUDEP đang hỗ trợ cán bộ CCG soạn các báo cáo quyết toán để trình cho AusAID.
- Chất lượng nước tiếp tục là một vấn đề và RUDEP tiếp tục tiến hành các xét nghiệm mẫu nước. RUDEP đã tiếp tục làm việc với Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường thuộc DARD để thực hiện các giải pháp hạn chế ô nhiễm và tổ chức tập huấn cho các hộ về cách dùng nước hợp vệ sinh.

Các vấn đề: Tiến độ thực hiện của cấu phần này tiếp tục bị chậm. Những chậm trễ trong quá trình hoàn tất và thông qua bản Kế hoạch hàng năm của Chương trình kéo theo việc đến tháng 8 bản danh mục hoàn chỉnh về các dự án cơ sở hạ tầng mới được PPC phê duyệt. Các xã Giai đoạn 1 có kinh nghiệm trong việc thực hiện những dự án này đã bắt đầu công việc thi công nhưng nửa chừng bị gián đoạn vì mùa mưa. Các chậm trễ cũng đã phát sinh trong khâu phê duyệt ở cấp huyện và RUDEP đã cố gắng để thúc đẩy việc thông qua các báo cáo đầu tư và hồ sơ thiết kế. Địa điểm xây dựng công trình trường mẫu giáo tại xã Đức Phong được phát hiện bị ô nhiễm hoá chất nông nghiệp và số đất bị ô nhiễm đã được đào đi để đưa đất mới vào thay sau khi kiểm nghiệm. Do tỉ giá hối đoái thực tế cao hơn so với kế hoạch, kinh phí chi tiêu đã nằm dưới mức ngân sách, tuy nhiên phần tiết kiệm này sẽ được chuyển vào ngân sách cho năm 04/05.

Cấu phần 3: Nâng cao năng lực cấp xã, huyện và tỉnh:

- Đầu vào của Chuyên gia ngắn hạn về nâng cao năng lực đã hỗ trợ trong việc tiếp tục xây dựng một quy trình về Phân tích các nhu cầu đào tạo tập huấn và cung cấp các chi tiết cho việc triển khai một hệ thống đào tạo tập huấn dựa vào khả năng thực hiện được công việc để đưa vào sử dụng trong RUDEP.
 - Việc phân tích các nhu cầu đào tạo tập huấn của DDO, DCG và CCG đã được hoàn tất và chương trình đào tạo tập huấn đã được triển khai.
 - Các chương trình tập huấn đặc biệt cho các cán bộ CCG và DCG đã bắt đầu với một loạt các khoá tập huấn trải dài qua 6 tháng.
 - Các DDO đã tham gia vào một chương trình tập huấn chính thức cùng với huấn luyện trong thực tiễn công việc để tăng cường kỹ năng tương tác và nâng cao sự hiểu biết về các vấn đề phát triển nông thôn cũng như tập huấn về các lĩnh vực chuyên môn.
-

- Một chương trình bồi dưỡng tiếng Anh thường xuyên đang được tổ chức (sau giờ làm việc) cho các nhân viên trong RUDEP để giúp họ nâng cao kỹ năng về tiếng.
- Một Chương trình nâng cao năng lực cho cán bộ các đơn vị hội phụ nữ cấp tỉnh và cấp huyện nhằm hỗ trợ các quỹ VSCF tốt hơn đã được Chuyên viên tài chính và tín dụng (FCO) tổ chức thực hiện và bao gồm các hoạt động tham quan học hỏi, các khoá tập huấn chính thức và tập huấn trong thực tiễn công việc.
- Chương trình được thiết kế nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông cấp tỉnh và cấp huyện hiện đang được tiến hành; các cán bộ tham dự các khoá tập huấn và tham gia vào các chuyên tham quan học hỏi đến các dự án khác tại Việt Nam. Mục tiêu là để nâng cao năng lực cho các cán bộ này nhằm giúp họ thực hiện dịch vụ đáp ứng theo nhu cầu của các nông hộ tại các xã thuộc RUDEP.
- Các thảo luận với Trường cao đẳng cộng đồng Quảng Ngãi đã đưa đến kết quả là cán bộ của trường tham dự vào các hoạt động tập huấn CCG/ DCG cộng với các khoá tập huấn tập huấn viên (TOT) để giúp họ thực hiện các khoá tập huấn cho CCG/ DCG và nhân viên Chương trình trong tương lai.
- Trong thời kỳ từ tháng 7/2003 đến tháng 2/2004, RUDEP đã tổ chức 12 hội thảo, 10 khoá tập huấn, 5 chuyên tham quan học hỏi, và 83 cuộc họp với tổng số 1.388 lượt người tham gia trong đó 26% là phụ nữ. Các số liệu này chỉ hoạt động nâng cao năng lực được tài trợ theo cấu phần 3 cho cán bộ chính quyền xã, huyện, tỉnh và nhân viên Chương trình.

Các vấn đề: Đến nay RUDEP chỉ có được sự tiếp cận hạn chế với các sở và cơ quan cấp tỉnh. Dự kiến rằng các sắp xếp mới với UBND Tỉnh (PPC) về việc giới thiệu Trưởng đoàn Ô-x-trây-li-a (ATL) trực tiếp tiếp xúc với mỗi cơ quan liên quan sẽ mở ra một quá trình phát triển sự biết đến RUDEP rộng rãi hơn tại cấp tỉnh. Chúng tôi hy vọng sẽ thu hút hơn nữa trong số các cơ quan này thành các đơn vị cung cấp dịch vụ và làm việc với họ để giải quyết những vấn đề đáng chú ý được nêu ở phần 3.2 như các vấn đề về biết chữ và phân bổ quyền sử dụng đất cho người dân. Sự tiếp cận được cải thiện này cũng sẽ cho phép RUDEP khởi xướng hoạt động tập huấn dựa trên khả năng thực hiện được công việc ra một phạm vi rộng rãi hơn ở các cơ quan cấp tỉnh. Việc thực hiện cấu phần này đã bị thêm phần chậm trễ do thời gian chuyển tiếp giữa sự từ nhiệm của Chuyên viên nâng cao năng lực (CBO) cũ vào giữa năm 2003 và việc bố trí tuyển dụng một CBO mới. Con số các chuyên tham quan học hỏi được tổ chức cũng thấp hơn so với dự kiến do có những vấn đề phát sinh liên quan đến các mức phụ cấp thấp dựa theo Quyết định #112. Quy định hướng dẫn mới về phụ cấp hiện vẫn còn nằm trong quá trình thảo luận.

Cấu phần 4: Quản lý, theo dõi và đánh giá Chương trình:

- Mọi vị trí trong PMU đều được bố trí đầy đủ với 30 nhân sự làm việc toàn thời gian và 7 nhân sự làm việc bán thời gian.
- Bản đầu tiên về quy chế hoạt động Ban quản lý Chương trình đã được thông qua vào tháng 3/2003 song hiện nay Quy chế này đang được điều chỉnh để lồng các ý kiến đề xuất đã được thống nhất tại cuộc họp giữa AusAID, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), UBND Tỉnh Quảng Ngãi (PPC) và Ban quản lý Chương trình tổ chức tại Hà Nội vào tháng 12/2003.
- Hiện nay có 9 DDO làm việc tại 9 xã (trong 7 huyện). 6 văn phòng DDO đã được thiết lập và văn phòng cho số DDO còn lại dự kiến sẽ được bắt đầu trong tháng 4.
- Hệ thống Theo dõi & Đánh giá (M&E) của Chương trình đang hoạt động tốt trong việc thu thập và lưu trữ dữ liệu, song hiện nay Chương trình đang tiếp tục làm việc thêm nữa về cải tiến việc phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin của cơ sở dữ liệu. Đến

nay chưa thực hiện được nhiều công việc liên quan đến Hệ thống thông tin vùng địa lý (GIS) của Chương trình vì phải tập trung vào việc trước hết là đưa hệ thống M&E vào hoạt động hoàn chỉnh. Tuy nhiên chúng tôi đang rà soát lại các phương án thu thập các bản đồ cơ sở và các điểm dữ liệu Chương trình vẫn đang được ghi chép trên các máy Hệ thống định vị toàn cầu (GPS)

- Các đầu vào chuyên gia ngắn hạn (STA) đã thực hiện gồm chuyên gia M&E, chuyên gia Cơ sở dữ liệu, chuyên gia về Giới và phát triển (GAD) và chuyên gia về tài liệu truyền thông.
- Chuyên gia GAD hỗ trợ RUDEP trong việc soạn thảo một Chính sách về Giới cho Chương trình. Chính sách này đang được triển khai trong nhân viên làm cơ sở cho việc nâng cao sự hiểu biết và sự nhạy bén về vấn đề Giới trong các bên tham gia liên quan.
- 7 nhóm tiếp xúc huyện (DCG) và 9 nhóm tiếp xúc xã (CCG) đã được thiết lập và đã hoàn toàn đi vào hoạt động và theo sau đó là cuộc họp thường kỳ hàng quý giữa Ban quản lý Chương trình, các DCG và các CCG.
- Các giới thiệu mở đầu về RUDEP và PPP đã được tổ chức cho UBND các huyện và các xã tại 7 huyện và 9 xã (Các huyện/ xã Chu kỳ 1 là vào tháng 1/2003, Các huyện/ xã Chu kỳ 2 là vào tháng 3/2003 và các huyện/ xã Chu kỳ 3 là vào tháng 11/2003).
- Chiến lược truyền thông Chương trình hiện đang được thực hiện; tờ rơi giới thiệu về RUDEP đã được in và phân phát bằng tiếng Anh và tiếng Việt, bản tin quý đầu tiên của RUDEP đã được ấn hành và phân phát. Trang Website của RUDEP hiện nay đang được xây dựng, và các mạng lưới đang được xây dựng với các dự án khác ở Việt Nam.
- 4 cuộc họp Ban điều phối Chương trình (PCC) đã được tổ chức vào tháng 11/2002, tháng 8/2003 và tháng 12/2003 (gồm một cuộc họp thường kỳ và một cuộc họp đột xuất).
- Đại sứ thanh niên Úc đã bắt đầu đầu vào 9 tháng của ông ta vào tháng 3/2004 và dự kiến sẽ hỗ trợ các hệ thống canh tác và khuyến nông trong Chương trình. Song do vấn đề sức khoẻ và những lý do khác, ông ta đã quyết định ngưng công việc của mình sau một tuần làm việc.

Các vấn đề: Mặc dù hệ thống M&E đang bắt đầu phát huy hiệu quả, song cần phải tiếp tục làm việc thêm về nâng cao tính hữu dụng đối với công tác quản lý thông qua một hệ thống báo cáo hiệu quả hơn nữa. Chúng tôi dự kiến sẽ tập trung vào vấn đề này vào tháng 5 và tháng 6/2004.

3.2 Các vấn đề đáng lưu ý

Chương trình gặp phải vài vấn đề lớn trong năm qua mà đã ảnh hưởng không ít đến tiến độ thực hiện.

- Sự thống nhất về các Mục tiêu: vẫn còn sự bất đồng ý kiến giữa cán bộ DPI và Nhà thầu quản lý Ôx-trây-lia (AMC) về phương cách tốt nhất để tiếp cận xoá đói giảm nghèo tại Quảng Ngãi, nghĩa là về mức độ nhấn mạnh đối với cơ sở hạ tầng hay tạo thu nhập. Hiện không có dữ liệu rõ ràng về việc bên nào là đúng hơn. Tuy nhiên, điều thiết yếu là các mục tiêu và cơ chế đã được thống nhất trong PDD cần phải được Chương trình thực hiện như đã thống nhất để giảm thiểu các chậm trễ trong công việc.
- Vấn đề biết chữ: Trình độ hạn chế về biết đọc biết đếm tại các xã vùng cao hiện đang là một vướng mắc cho sự hoạt động thành công của các quỹ VSCF ở những địa bàn này. Đồng thời cũng là một vướng mắc cho việc trao quyền đối với những người dân đang cố gắng có được sự tự tin và một vai trò lớn hơn nữa trong việc định hướng cuộc sống của họ. Mặc dù PPC và DPI khuyến rằng phạm vi của Chương trình không bao

gồm công việc về các vấn đề dạy chữ, chúng tôi thiết nghĩ rằng sự biết chữ là một yếu tố then chốt trong việc nâng cao nhận thức của các hộ về sản xuất hàng hoá, và cũng là yếu tố then chốt cho việc thành công Chương trình tại các địa phương vùng cao cũng như cải thiện đời sống người dân. Chúng tôi đề nghị rằng RUDEP có thể làm việc với các cơ quan hữu quan tại Quảng Ngãi và tại Việt Nam để xây dựng một chương trình dạy chữ theo hướng nâng cao nhận thức về sản xuất hàng hoá một cách phù hợp cho các hộ thành viên trong các quỹ VSCF và các nhóm hoạt động hộ gia đình ở các địa bàn vùng cao, và chương trình sẽ được tài trợ thông qua ngân quỹ dành cho các dự án hỗ trợ đời sống.

- Vấn đề sử dụng đất: Ở nhiều xã vùng cao trong tỉnh hiện không có sự phân bổ đất đảm bảo cho các hộ. Điều này cần được điều tra khảo sát và RUDEP sẽ làm việc với các cơ quan hữu quan để góp phần hỗ trợ các cơ quan này hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ tại các xã mục tiêu. Sau khi các hộ được cấp sổ đỏ, RUDEP có thể hỗ trợ họ phát triển một hệ thống canh tác đáp ứng các nhu cầu lương thực trước mắt và đề cập đầu tư lâu dài về các loại cây trồng. Nó cũng giúp các hộ có một cơ sở vững chắc hơn để vay vốn cho các kế sản xuất khả thi.
- Nhắm mục tiêu vào hộ nghèo: Trong thời gian đầu RUDEP cố gắng đưa mọi khía cạnh của Chương trình đi vào hoạt động (như các quỹ VSCF, các nhóm hoạt động hộ, mô hình trình diễn v.v.) với quan điểm là khi mà các mặt hoạt động này phát huy được chức năng, Chương trình sẽ đánh giá những cách thức nhằm định hướng chúng vào hộ nghèo một cách hiệu quả hơn nữa. Hầu hết các hoạt động này hiện nay đang đạt kết quả và chúng tôi sẽ bắt đầu nhắm các hoạt động trọng tâm hơn nữa vào hộ nghèo bằng việc đảm bảo rằng các kỹ thuật được trình diễn sẽ phù hợp thích đáng đối với người nghèo đồng thời hướng các phục vụ của Chương trình vào việc đáp ứng các nhu cầu của hộ nghèo. Sự trọng tâm mục tiêu này sẽ được mọi nhân viên trong RUDEP tích cực theo đuổi thông qua việc lồng trọng tâm này thành một phần trong các chỉ báo thực hiện đáp ứng công việc của mình.
- Quản lý Chương trình: Đến nay đã có những chậm trễ đáng kể trong việc thực hiện chương trình do sự không thống nhất trong Ban quản lý Chương trình liên quan đến các khoản phụ cấp, cơ chế chuyển ngân cho các dự án nhỏ do nhóm hoạt động hộ thực hiện, và một loạt các chủ đề xoay quanh luật và nghị định cùng với sự cứng nhắc trong việc diễn giải luật. Mặc dù chúng tôi đồng ý rằng Chương trình được ràng buộc bởi các luật pháp và quy định của Chính phủ Việt Nam, nhưng thường thì vẫn có một giải pháp linh hoạt nào đó mà có thể hoà hợp cả luật pháp của Chính phủ Việt Nam và yêu cầu của Chính phủ Ô-x-trây-li-a. Bản Quy chế mới cho Ban quản lý Chương trình hiện đang được đề xuất với sự tham vấn thích đáng và tính linh hoạt từ cả hai phía nhằm khắc phục vấn đề này.
- Vấn đề giới: Mặc dù Chương trình đã hoạt động theo hướng đảm bảo phụ nữ tham gia vào các hoạt động của Chương trình, cần phải làm việc thêm nữa để đảm bảo phụ nữ có sự tiếp cận bình đẳng đối với các nguồn lực và dịch vụ và có vai trò lớn hơn nữa trong việc lãnh đạo và ra quyết định ở những nhóm mà họ là thành viên.
- Sự tham gia: Trong khi sự tham gia là một cấu phần then chốt trong Quy chế dân chủ cơ sở cũng như Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo, có ít sự chấp nhận về giá trị của các phương pháp tiếp cận có sự tham gia ở các cấp tỉnh, huyện và xã cũng như về nhu cầu và các áp dụng thực tiễn của các phương pháp tiếp cận này. Khi RUDEP phát triển hơn nữa quy trình PPP của mình và có thể chứng tỏ giá trị và tính hiệu quả của các kế hoạch được soạn ra và các hoạt động được đưa vào thực hiện, chúng tôi dự định sẽ có một cách tiếp cận vừa phù hợp cho các nhu cầu của các xã vừa có thể đạt được trong phạm vi nguồn lực sẵn có của các xã đó.

- Nước sạch: RUDEP đã tiếp tục kiểm nghiệm các mẫu nước từ các giếng cũ và các giếng mới và tiếp tục cải tiến hoạt động tập huấn cho các nông hộ về việc sử dụng và bảo dưỡng các nguồn nước hợp vệ sinh và an toàn.
- Hoạt động của các quỹ VSCF: Hiện có một vấn đề là nhiều quỹ VSCF không thực hiện theo quy chế hướng dẫn. RUDEP dự tính sẽ tuyển dụng một nhân viên hỗ trợ công việc cho Chuyên viên tài chính và tín dụng; đồng thời hợp đồng với Hội phụ nữ để làm việc với các quỹ VSCF nhằm đảm bảo quỹ hoạt động tuân theo quy chế hướng dẫn.

3.3 Các đề nghị điều chỉnh so với thiết kế chương trình

Chúng tôi đề nghị tiếp tục duy trì việc thực hiện Chương trình theo Văn kiện thiết kế chương trình (PDD) đồng thời đề nghị một số thay đổi về hoạt động như sau:

- Các đầu vào hoạt động tạo thu nhập của Tài khoản dành trước sẽ được phân giống theo cách thức đã được đồng ý trong Kế hoạch năm của kỳ 2003/2004; nghĩa là: vốn 'giống' cho các quỹ VSCF chiếm 70%, các dự án hỗ trợ đời sống chiếm 20% và các Thử nghiệm do Nhóm hoạt động hộ thực hiện là 10%.
- Với sự chia tách huyện Trà Bồng thành hai huyện là Trà Bồng và Tây Trà, hiện nay thuộc tỉnh Quảng Ngãi có 12 huyện đất liền. Đồng thời PMU đã có những thảo luận với Dự án cơ sở hạ tầng dựa vào cộng đồng của WB/MPI và thống nhất rằng hai dự án có thể hoạt động đồng thời trong cùng một xã. Vì vậy RUDEP nay có thể đi vào 5 huyện đất liền còn lại và sẽ bắt đầu làm việc tại 5 xã mới vào năm 2005. 5 xã này sẽ được xem là các xã thuộc Chu kỳ 4 và hoạt động tài trợ cho các xã này sẽ bắt đầu vào tháng 7 năm 2005.

4 Kế hoạch hoạt động cho kỳ 7/2004 - 6/2005

4.1 Chiến lược Chương trình

Một sự đánh giá về những điểm mạnh và điểm yếu của Chương trình sẽ xác định ra chiến lược thực hiện các mục tiêu của Chương trình trong Kế hoạch năm này.

Những điểm mạnh của Chương trình:

- Đã điều chỉnh và kiểm nghiệm một Quy trình lập kế hoạch có sự tham gia (PPP) mà xác định ra các nhu cầu cộng đồng và đưa đến một Kế hoạch cho xã của RUDEP bao gồm các hoạt động cấp thôn sẽ được thực hiện.
- Đã bắt đầu một quy trình để mỗi nhóm hoạt động hộ soạn thảo một kế hoạch năm nhằm khắc phục những hạn chế và xác định ra những cơ hội về những loại hình hoạt động mà các thành viên trong nhóm mong muốn thực hiện.
- Chương trình đang làm việc với các cơ quan khuyến nông cấp tỉnh và cấp huyện để thực hiện các mô hình trình diễn, tập huấn kỹ thuật cho nông dân và tham quan học tập về một phạm vi rộng rãi các hoạt động nông nghiệp, đồng thời cũng nâng cao năng lực của các cơ quan này.
- Đã phát triển thủ tục về xác định, thiết kế và xây dựng các dự án cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ đáp ứng theo các nhu cầu của người dân; đưa các vấn đề môi trường, các công việc về vận hành và duy tu bảo dưỡng (O&M) và sự tham gia của những người hưởng lợi vào mọi khía cạnh của dự án.
- Tạo động cơ và ý thức gắn bó công việc của các DDO làm việc tại 9 xã thuộc 7 huyện, là những người sẽ phối hợp các hoạt động Chương trình tại các xã phân công.
- Tạo động cơ và ý thức gắn bó công việc của đội ngũ chuyên viên kỹ thuật là những người có thể hỗ trợ các hoạt động tiết kiệm và tín dụng, nâng cao năng lực, cơ sở hạ tầng, và theo dõi & đánh giá.
- Các nhóm tiếp xúc xã và nhóm tiếp xúc huyện được thiết lập và làm việc với Chương trình đã đi vào hoạt động tại 7 huyện và 9 xã.
- Các chương trình về nâng cao năng lực dành cho cán bộ DCG/ CCG và Chương trình đã đưa vào thực hiện và liên tục bồi dưỡng kỹ năng cho các cán bộ/ nhân viên này.
- Các quỹ VSCF đi vào hoạt động đang học hỏi cách sử dụng và quản lý các công cụ tín dụng, với sự hỗ trợ từ cán bộ thuộc các đơn vị hội phụ nữ.

Các điểm yếu của Chương trình:

- Mức độ nhắm mục tiêu và bao gồm hộ nghèo vào trong các hoạt động Chương trình còn thấp.
 - Mặc dù con số phụ nữ tham gia trong các hoạt động Chương trình là tương đương với nam giới, các quyền và sự tiếp cận bình đẳng vào đối với các nguồn lực và cơ hội đối với phụ nữ chưa được tích cực thúc đẩy.
 - Sự hiểu và tiếp nhận của cán bộ ở các cấp tỉnh, huyện và xã đối với các phương pháp tiếp cận có sự tham gia cũng như sự cần thiết bao gồm sự tham gia của người dân (và đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số) vào trong các hoạt động còn thấp.
 - Năng lực để hỗ trợ sự tăng trưởng của các quỹ VSCF cùng với sự hỗ trợ về kế toán và quản lý cho các ban quản lý quỹ cũng như hỗ trợ về kỹ thuật cho thành viên trong quỹ còn hạn chế.
-

- Tác động ở cấp tỉnh để bắt đầu ảnh hưởng các cán bộ then chốt về các vấn đề và các phương pháp tiếp cận của Chương trình còn hạn chế.
- Năng lực và kinh nghiệm của cán bộ các cơ quan khuyến nông cấp huyện và cấp tỉnh về các cách tiếp cận trọng tâm từ nông hộ còn hạn chế, cộng với việc chỉ tập trung vào hoạt động nông nghiệp có giá trị đầu vào cao thay vì tập trung vào các biện pháp phù hợp với các nông hộ nghèo.
- Tại các xã vùng cao, việc phân bổ và cấp chứng nhận quyền sử dụng đất chưa được giải quyết để giúp các hộ có thể tiếp cận tín dụng và đầu tư vào những cơ hội dài hạn hơn, chẳng hạn trồng cây dài ngày.

Xây dựng trên những điểm mạnh và đề cập đến những khó khăn và những điểm yếu được trình bày trên, định hướng của chúng tôi về tương lai có thể được tóm lược như sau:

- Các kế hoạch xã cho các hoạt động của RUDEP sẽ được soạn thảo dựa trên những nhu cầu và giải pháp được xác định qua quy trình lập kế hoạch có sự tham gia cấp thôn và quy trình này sẽ được các xã áp dụng như một đầu vào cho quy trình lập kế hoạch hàng năm của xã.
 - Các nhóm hoạt động hộ được hình thành để khắc phục khó khăn của hộ, sẽ xây dựng một kế hoạch do nhóm thực hiện và trở thành một nhóm hộ gia đình được củng cố lòng tin với một mức thu nhập được cải thiện hơn.
 - Các nhóm hoạt động hộ có thể được hỗ trợ về kỹ thuật và quản lý từ các bên cung cấp dịch vụ có khả năng như các trạm khuyến nông huyện hoặc các đơn vị hội phụ nữ huyện.
 - Các quỹ VSCF có tỉ lệ cao về số hộ nghèo tham gia trong quỹ với tỉ lệ hoàn trả vốn vay cao và quỹ được hình thành dựa trên một hoạt động và/hoặc nhu cầu tín dụng phục vụ cho một phạm vi gồm nhiều mục đích.
 - Tỉnh tổ chức phân bổ và cấp chứng nhận quyền sử dụng đất thích đáng cho các xã mục tiêu ở vùng cao trước quy trình lập kế hoạch có sự tham gia của xã.
 - Chương trình đề xuất hỗ trợ cho một phạm vi đa dạng các hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp cũng như các hoạt động hỗ trợ đời sống thông qua hợp đồng với các bên cung cấp dịch vụ.
 - Phụ nữ tham gia trong các hoạt động Chương trình có được sự tiếp cận bình đẳng đối với các dịch vụ và nguồn lực và bắt đầu tham gia và giữ những vai trò chủ đạo hơn nữa.
 - Các nhóm hoạt động hộ về cơ sở hạ tầng được hình thành để lập kế hoạch dự án, giám sát việc thi công và đảm bảo thực hiện kế hoạch vận hành & duy tu bảo dưỡng.
 - Các dự án cơ sở hạ tầng được hoàn thành sẽ là phương tiện hỗ trợ cho hoạt động tạo thu nhập của các hộ dân.
 - Các nhóm CCG, DCG và cán bộ cấp tỉnh có năng lực được nâng cao sẽ phát huy chức năng một cách có hiệu quả với sự hiểu biết nhiều hơn nữa về quy trình PPP và sự áp dụng quy trình này vào công việc của họ.
 - Hệ thống M&E cung cấp thông tin cho cán bộ cấp tỉnh, huyện và xã về tiến độ Chương trình để hỗ trợ cho việc lập kế hoạch và ra quyết định.
 - Chương trình được xúc tiến ở mọi cấp và được quảng bá rộng rãi ra Việt Nam thông qua Chiến lược truyền thông.
 - Tìm kiếm được các nguồn tài trợ bổ sung từ những nguồn ngoài Chương trình để hỗ trợ cho các hoạt động bổ sung được thực hiện bởi Chương trình.
-

Tóm lại:

- Các nguồn thu nhập được gia tăng đối với đa số các hộ gia đình trong các xã tham gia và đặc biệt là hộ nghèo.
- Các phương pháp tiếp cận của Chương trình được cán bộ chính phủ và các tổ chức quốc tế tiếp nhận và áp dụng như là một phương cách nhằm thực hiện Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo của Việt Nam¹ trong địa bàn của một tỉnh.

Để đạt được định hướng này, Chương trình sẽ bắt đầu hoạt động trên 14 xã thuộc 12 huyện đất liền vào năm 2005. Kế hoạch mở rộng hiện nay nhằm đến mục tiêu là Chương trình đi vào hoạt động ở 18 xã tính đến cuối Giai đoạn 2 theo dự kiến rằng mức phân bổ tài trợ trên mỗi xã 100.000 đô la Ôx-trây-li-a như hiện thời sẽ được duy trì và rằng đối với mỗi xã đồng bằng thì Chương trình sẽ hoạt động 3 năm và đối với xã miền núi là 4 năm. Những phương án khác nhau về mức phân bổ tài trợ cho mỗi xã và những nguồn lực sẵn có từ các dự án khác tại Quảng Ngãi (Dự án cơ sở hạ tầng dựa vào cộng đồng của World Bank, một dự án mới do Đức tài trợ, các dự án thuộc các tổ chức Phi chính phủ, các chương trình của Chính phủ Việt Nam, v.v) hiện đang được nghiên cứu. Chiến lược là tác động vào số đầy đủ các xã tại mỗi huyện nhằm tạo ra một khối lượng rộng rãi đội ngũ cán bộ cấp tỉnh, huyện và xã có thể thu thập kinh nghiệm với cách tiếp cận của Chương trình và làm việc với Chương trình để xây dựng một cách tiếp cận đáp ứng được các nhu cầu về xoá đói giảm nghèo tại Quảng Ngãi, mà sẽ hỗ trợ cho Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo của Việt Nam và trợ giúp Quảng Ngãi đạt được các Mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ² cho địa bàn của mình.

Kế hoạch cho kỳ 2004/2005 lồng vào những nguồn lực đầy đủ để giúp Chương trình:

- Phát huy các điểm mạnh của mình và khắc phục những điểm yếu và trở ngại đáng kể gặp phải đến nay;
- Đa dạng hoá hơn nữa các hoạt động của Chương trình để mang lại hiệu quả tăng thu nhập cho một phạm vi rộng rãi hộ gia đình thông qua các hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp; và
- Chương trình cả trong và ngoài tỉnh Quảng Ngãi để nâng cao sự học tập phát triển hiện đang diễn ra.

4.2 Lịch trình về các hoạt động và nguồn lực

4.2.1 Lịch trình các hoạt động

Bảng 2 đề cập đến các hoạt động được lập kế hoạch cho đến 30/6/2005 được trình bày theo Khung Logic từ Văn kiện thiết kế chương trình.

¹ Chính phủ Việt Nam (2002), *Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo 2001-2010*, Hà Nội.

² Liên hiệp quốc tại Việt Nam (2002), *Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ: Đưa các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đến gần hơn với người dân*, Hà Nội.

Bảng 2: Hoạt động Chương trình được hoạch định cho kỳ 07/2004 - 06/2005

Đầu ra	Nội dung
Cấu phần 1: Tạo thu nhập nông thôn được khởi xướng từ hộ gia đình	
1.1	<p>Các bên tham gia có năng lực để tham gia tích cực vào các quy trình lập kế hoạch hoạt động.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tập huấn cho cán bộ CCG/các thành viên hỗ trợ trong xã để tiến hành các cuộc họp lập kế hoạch có sự tham gia.- Tập huấn cho CCG về những vấn đề phát triển nông thôn bao gồm sự tham gia.- Tổ chức thực hiện các cuộc họp lập kế hoạch tại 14 xã và xây dựng các kế hoạch xã.
1.2	<p>Các bên tham gia có năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động tạo thu nhập phù hợp xét theo các khía cạnh kỹ thuật, giới, và môi trường; cũng như các phương án lựa chọn cho các hoạt động tạo thu nhập phi nông nghiệp và xác định các nguồn tài trợ cho các thiếu hụt về tài chính.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hình thành các nhóm hoạt động hộ (AG) dựa trên kế hoạch xã liên quan đến 3 lĩnh vực: tạo thu nhập, hỗ trợ đời sống và cơ sở hạ tầng.- Hỗ trợ các nhóm hoạt động để soạn thảo các kế hoạch hoạt động theo các hướng dẫn mà có lồng vào các vấn đề về kỹ thuật, giới và môi trường.- Các CCG phê duyệt các kế hoạch của nhóm hoạt động hộ và trình các kế hoạch này lên RUDEP.- RUDEP cung cấp ngân quỹ/ nguồn lực để giúp các nhóm thực hiện các kế hoạch của mình.- Tổ chức các cuộc họp thường xuyên với các nhóm hoạt động hộ và các hộ để thảo luận về tiến độ và các trở ngại; đồng thời lên kế hoạch cho các hoạt động kế tiếp.- Đảm bảo việc đánh giá tác động môi trường đều được hoàn tất cho mỗi hoạt động về tạo thu nhập/ hỗ trợ đời sống.

Đầu ra	Nội dung
<p>1.3</p>	<p>Các bên tham gia có năng lực thực hiện các hoạt động tạo thu nhập góp phần đa dạng hoá đời sống sinh kế, kích thích thành phần dịch vụ, và vận dụng thích đáng về kỹ thuật, quản lý tài chính và các nguồn tín dụng.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ các nhóm hoạt động hộ thực hiện các kế hoạch hoạt động bao gồm việc phát triển năng lực về kỹ thuật và hoạt động thị trường. - Dựa trên các kế hoạch của nhóm hoạt động, thiết lập các hợp đồng với bên cung cấp dịch vụ ở cấp tỉnh và cấp huyện để cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các nhóm. - Hợp đồng với các cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện để trình diễn những kỹ thuật thích hợp cho các nhóm hoạt động. - Bố trí các chuyên gia ngắn hạn người trong nước hỗ trợ việc đa dạng hoá thu nhập hộ gia đình và gia tăng hiệu suất trong hoạt động nông nghiệp. - Khởi xướng các quỹ VSCF cho các nhóm hoạt động hộ tham gia trong các hoạt động tạo thu nhập và tổ chức thực hiện tập huấn về quy chế, kế toán và hoạt động ngân hàng. - Tăng cường các quỹ VSCF hiện thời với sự hỗ trợ về kỹ năng kế toán/quản lý, lập kế hoạch sản xuất và kỹ thuật. - Đánh giá tính bền vững của các quỹ VSCF qua nghiên cứu các phương án lựa chọn liên quan đến các quỹ tín dụng nhân dân, các tổ chức tín dụng của hội phụ nữ, các NGO, các tổ chức tài chính vi mô, v.v.. - Đánh giá hoạt động của các quỹ VSCF và tác động của chúng đối với các thành viên trong quỹ, đặc biệt xem xét những khác nhau giữa thành viên nam và thành viên nữ. - Đánh giá sự tiếp thu áp dụng các kỹ thuật được giới thiệu qua mô hình trình diễn.
<p>1.4</p>	<p>Các bên tham gia rút ra các bài học từ quá trình thực hiện và phân ảnh hưởng kinh nghiệm này trong các kế hoạch hoạt động hàng năm kế tiếp do họ soạn thảo.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thực hiện quy trình lập kế hoạch/ đánh giá hàng năm với các nhóm hoạt động hộ. - Tiến hành các khảo sát về quan niệm của người hưởng lợi đối với những lợi ích từ việc lập kế hoạch có sự tham gia cho các hoạt động tạo thu nhập và cải thiện đời sống. - Tiếp thu thu thập dữ liệu cho các nhóm hoạt động hộ và các quỹ VSCF. - Tổ chức một đợt kiểm toán cho toàn bộ các quỹ VSCF. - Duy trì cơ sở dữ liệu của Chương trình để theo dõi các hoạt động.
<p>Cấu phần 2: Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn xã</p>	
<p>2.1</p>	<p>Cơ sở hạ tầng cấp xã quy mô nhỏ được hoạch định và thực hiện.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành nhóm hoạt động cơ sở hạ tầng cho từng dự án cơ sở hạ tầng. - Thực hiện các công trình cơ sở hạ tầng được xác định trong kế hoạch xã của RUDEP. - Rà soát các quy định hướng dẫn về cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo việc thiết kế, chi tiết kỹ thuật, hạch toán chi phí và quy trình hợp đồng đáp ứng các yêu cầu của Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Ô-x-trây-li-a. - Đảm bảo việc đánh giá tác động môi trường đều được hoàn tất cho mỗi dự án cơ sở hạ tầng. - Tổ chức tập huấn về cách soạn thảo các hồ sơ xin dự án và hồ sơ thiết kế.

Đầu ra	Nội dung
	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo các kế hoạch O&M phù hợp đều được bao gồm trong các hồ sơ xin dự án và hỗ trợ cho CCG/ AG thực hiện theo các kế hoạch O&M đã trình. - Hỗ trợ việc soạn thảo các hồ sơ xin các nguồn lực ngoài chương trình để phục vụ cho việc xây dựng và duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng.
2.2	<p>Cơ sở hạ tầng cấp xã quy mô nhỏ được đưa vào sử dụng và duy tu bảo dưỡng.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn CCG/AG cách soạn thảo các kế hoạch O&M bền vững và có hiệu quả với các thủ tục hỗ trợ kinh phí đáng tin cậy. - Đánh giá và hướng dẫn các kế hoạch O&M do CCG/AG lập.
2.3	<p>Các bên tham gia rút ra các bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện, vận hành và duy tu bảo dưỡng các cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ và phản ánh các bài học vào các kế hoạch cơ sở hạ tầng kế tiếp.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiệu quả của các công trình cơ sở hạ tầng đối với người hưởng lợi. - Thông tin cho các CCG/DCG/AG về các bài học thu thập được từ các hồ sơ xin dự án.
Cấu phần 3: Nâng cao năng lực cấp Tỉnh, Huyện và Xã	
3.1	<p>Đội ngũ cán bộ chính quyền và các bên cung cấp dịch vụ tiềm năng có năng lực và động lực tích cực hỗ trợ sự hoạch định có sự tham gia của Chương trình và sự thực hiện hoạt động bởi các xã và các nhóm hộ.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập các CCG và các DCG tại 5 xã/huyện mới. - Tiến hành việc phân tích các nhu cầu đào tạo tập huấn của CCG/DCG thuộc Chu kỳ 3 và thực hiện chương trình nâng cao năng lực liên quan đồng thời tiếp tục chương trình nâng cao năng lực đối với các CCGs/DCGs thuộc Chu kỳ 1 và 2. - Nâng cao năng lực cho DDO về phát triển nông thôn và các kỹ năng chuyên ngành thông qua tập huấn chính thức và tập huấn hướng dẫn qua thực tế công việc bởi các chuyên gia dài hạn và ngắn hạn. - Nâng cao năng lực cho các DDO và CCG, DCG và cán bộ cấp tỉnh về xử lý, phân tích và sử dụng các dữ liệu về theo dõi và đánh giá (M&E). - Nâng cao năng lực cho các bên cung cấp dịch vụ cấp tỉnh và cấp huyện để phục vụ cho các nhu cầu về nâng cao năng lực trong Chương trình.
3.2	<p>Cán bộ chính quyền và các bên cung cấp dịch vụ tham gia Chương trình có đủ năng lực để nhận biết và thu hút các nguồn tài trợ ngoài Chương trình và những nguồn lực khác để đáp ứng các nhu cầu trong những kế hoạch hoạt động được soạn thảo với các cộng đồng nông thôn nghèo.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành việc phân tích các nhu cầu đào tạo tập huấn của cán bộ và các bên cung cấp dịch vụ để lập hồ sơ tờ trình và tổ chức thực hiện các chương trình nâng cao năng lực có liên quan. - Thực hiện việc phân tích về năng lực thể chế. - Hỗ trợ đội ngũ cán bộ chính phủ soạn thảo các tờ trình xin vốn tài trợ từ bên ngoài. - Theo dõi tình hình xét duyệt các hồ sơ tờ trình của các cơ quan tài trợ và cập nhật tiến độ cho bên lập tờ trình.
Cấu phần 4: Quản lý, theo dõi và đánh giá Chương trình	
4.1	<p>Chương trình được thực hiện một cách thành công theo tiến độ và nằm trong phạm</p>

Đầu ra	Nội dung
	vi ngân sách. Hành động: <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục cải thiện các hệ thống và thủ tục hoạt động trong Ban quản lý Chương trình (PMU) và nâng cao năng lực cho các nhân viên trong Chương trình. - Rà soát và điều chỉnh các quy chế hoạt động của PMU nhằm đảm bảo quy chế đáp ứng được các nhu cầu của Chương trình. - Hỗ trợ quá trình đi vào hoạt động của Ban chỉ đạo tỉnh về các dự án ODA. - Soạn thảo Kế hoạch hàng năm của Chương trình và đưa vào thực hiện khi kế hoạch được phê duyệt. - Thực hiện chiến lược truyền thông và thực hiện các đánh giá định kỳ. - Phát hành các trang tin hàng quý về các hoạt động của Chương trình và phân phát trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi cũng như đến các cơ quan tài trợ/ tổ chức quốc tế tại Việt Nam. - Duy trì Trang Web của Chương trình. - Tiếp tục phát triển hệ thống theo dõi & đánh giá. - Tiếp tục xây dựng hệ thống thông tin vùng địa lý. - Rà soát tài liệu về quản lý rủi ro của Chương trình và soạn thảo một phương pháp tiếp cận được điều chỉnh về lập kế hoạch quản lý/ dự phòng rủi ro đối với nhân viên PMU. - Chính sách về Giới của RUDEP trên toàn Chương trình. - Rà soát Cẩm nang quản lý môi trường và Chính sách về môi trường của Chương trình và hỗ trợ việc áp dụng các tài liệu này trên toàn Chương trình.
4.2	Cán bộ đối tác phía chính phủ Việt Nam ở các cấp nhà nước, tỉnh, huyện và xã có quyền sở hữu trong Chương trình và tích cực đồng định hướng việc thực hiện. Hành động: <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục cải thiện sự phối hợp trong PMU và với các cơ quan liên quan thuộc cấp tỉnh và cấp huyện. - Tiến hành các cuộc họp Ban điều phối Chương trình theo kế hoạch được lập.

4.2.2 Lịch trình các nguồn lực

Các lịch trình chỉ báo về việc thực hiện hoạt động và các nguồn lực cho kỳ kế hoạch này sẽ được trình bày trong Phụ lục 1 và Phụ lục 3.

Chi tiếp cụ thể thêm sẽ được trình bày tại các Phụ lục sau: Phụ lục 4 - bố trí nhân sự; Phụ lục 5 - mua sắm; Phụ lục 6 - nâng cao năng lực (kế hoạch mang tính chỉ báo); Phụ lục 7 - các hoạt động theo ngân quỹ thuộc tài khoản dành trước; và Phụ lục 11 - chiến lược truyền thông.

4.2.3 Bố trí nhân sự trong Chương trình

Năm thứ 3 của Giai đoạn 2 sẽ bắt đầu với sự bổ sung đầy đủ các nhân sự theo ngân quỹ phía Ôx-trây-lia và cán bộ bên đối tác như được liệt kê tại Phụ lục 4 và theo sơ đồ tổ chức tại Phụ lục 9.

Về phân chuyên gia cố vấn, Giai đoạn 2 bao gồm nhóm chuyên gia dài hạn Ôx-trây-lia gồm 3 người và các đầu vào chuyên gia ngắn hạn (cả chuyên gia Việt Nam và quốc tế) theo yêu cầu về hướng dẫn kỹ thuật và đảm bảo chất lượng. Bảng 3 thông tin về các đầu vào đã được hoạch định đối với mỗi chuyên gia cho năm kế hoạch và Phụ lục 8 sẽ cụ thể

các tham chiếu nội dung công việc đối với các chuyên gia này. Để tối đa hoá các đầu vào từ quỹ thời gian hạn chế có được, trong điều kiện thực tiễn cho phép các Chuyên gia quốc tế sẽ hỗ trợ PMU và các bên tư vấn trong nước thông qua liên lạc bằng điện thoại hoặc e-mail. Hiện vẫn còn sự cần thiết đối với các đầu vào chuyên gia ngắn hạn người trong nước về một phạm vi rộng rãi các kỹ năng để đáp ứng với những ưu tiên xác định bởi hộ gia đình đồng thời thăm dò tiềm năng về một phạm vi đa dạng của các hoạt động tạo thu nhập.

Bảng 3: Bố trí về Chuyên gia Chương trình cho kỳ 07/2004 - 06/2005

Vị trí	Tên	Đầu vào hoạch định (tháng công tác)
Đầu vào chuyên gia dài hạn quốc tế		
Giám đốc Chương trình phía Ôx-trây-lia	Ted A' Bear	2.0
Trưởng đoàn Ôx-trây-lia	Trevor Ole	12.0
Chuyên gia c. cấp về Phát triển cộng đồng	Mark Hoey	12.0
Chuyên gia phát triển cộng đồng	Bede Evans	12.0
Cộng- Chuyên gia dài hạn quốc tế		38.0
Chuyên gia ngắn hạn quốc tế		
Chuyên gia tài chính vi mô	Guy Winship	1.0
Chuyên gia hoạt động thị trường	David Young	0.5
Chuyên gia M&E/ Cơ sở dữ liệu	Bruce Bailey	0.5
Chuyên gia nông lâm nghiệp	Drake Hocking	0.5
Chuyên gia cơ sở hạ tầng	Max Blacker	0.5
Chuyên gia môi trường	Tim Jarvis	0.5
Chuyên gia nâng cao năng lực	Ed Ely	0.5
Cộng- Chuyên gia ngắn hạn quốc tế		4.0
Chuyên gia ngắn hạn trong nước		
Chuyên gia khuyến nông	Nguyễn Thị Lan	1.0
Chuyên gia tài chính nông thôn	Đào Văn Hùng	0.5
Chuyên gia lâm nghiệp/LKHSDĐ	Chưa xác định	1.0
Chuyên gia nuôi trồng thủy sản	Nguyễn Văn Tư	0.5
Chuyên gia cây trồng và vườn rau gia đình	Đỗ Đình Thức	0.5
Chuyên gia tập huấn thú y	Tạ Ngọc Sinh	1.0
Chuyên gia IPM	Bùi Thế Hùng	0.5
Chuyên gia dinh dưỡng/ thức ăn chăn nuôi	Vũ Chí Cương	0.5
Chuyên gia cây ăn quả	Phạm Thị Hương	0.5
Chuyên gia hoạt động công nghiệp nhỏ nông thôn #1 (Chế biến nông sản)	Nguyễn Thái Đường	0.5
Chuyên gia hoạt động công nghiệp nhỏ nông thôn #2 (Công nghệ sau thu hoạch)	Trịnh Đình Hoà	0.5
Chuyên gia về sinh kế bền vững	Chưa xác định	1.0
Chuyên gia tài liệu truyền thông	Kate Bentley*	1.0
Chuyên gia về giới và phát triển	Chưa xác định	1.0
Chuyên gia GIS	Chưa xác định	1.0
Chuyên gia Phân tích thể chế/ PAR	Chưa xác định	1.0
Các bên cung cấp dịch vụ được hợp đồng	Chưa xác định	3.0
Cộng- Chuyên gia ngắn hạn trong nước		15.0

* Người nước ngoài nhưng chi phí được trả theo định mức đối với người trong nước

Tóm lược về các đầu ra dự kiến đối với từng chuyên gia được trình bày dưới đây. Bên cạnh việc hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn, các chuyên gia ngắn hạn sẽ nâng cao năng lực cho các nhân viên PMU thông qua các tập huấn chính thức và không chính thức.

- **Chuyên gia Tài chính vi mô:** đánh giá lại hoạt động quỹ VSCF và nhận định các phương án lựa chọn giúp cho sự bền vững của các quỹ.
- **Chuyên gia hoạt động thị trường:** nhận định các cơ hội thị trường, các yêu cầu về sản phẩm và các xu hướng đối với những hàng hoá hiện thời và tiềm năng mà các nhóm hoạt động quan tâm đến.

- **Chuyên gia M&E/ Cơ sở dữ liệu:** rà xét lại hệ thống M&E và các điều chỉnh đối với cơ sở dữ liệu đã được thống nhất nhằm nâng cao tính hữu dụng của nó như một công cụ quản lý.
 - **Chuyên gia về nông lâm nghiệp:** đưa ra đề xuất về các hoạt động lâm nghiệp cộng đồng và về phân bổ đất và lập kế hoạch sử dụng đất tại các xã Chương trình.
 - **Chuyên gia cơ sở hạ tầng:** rà soát quy trình thực hiện cơ sở hạ tầng hiện thời và đưa ra các đề xuất cải tiến và nhận biết các loại hình cơ sở hạ tầng phù hợp.
 - **Chuyên gia Môi trường:** đánh giá lại việc áp dụng Cẩm nang Quản lý Môi trường trong Chương trình và kiểm tra cơ sở hạ tầng của Chương trình về môi trường.
 - **Chuyên gia nâng cao năng lực:** đánh giá lại hệ thống cùng với các hướng dẫn về nâng cao năng lực để hỗ trợ cho mọi công tác tập huấn đều dựa trên yêu cầu thực hiện được công việc vào cuối năm.
 - **Chuyên gia khuyến nông:** đánh giá lại các tài liệu khuyến nông hiện thời và tập huấn cho cán bộ khuyến nông cấp tỉnh và cấp huyện về cách soạn thảo tài liệu khuyến nông.
 - **Chuyên gia Tài chính nông thôn:** rà xét các hoạt động của các quỹ VSCF và đề xuất những cải thiện có hiệu quả dựa trên các hoạt động tiết kiệm và tín dụng hiện thời tại Việt Nam.
 - **Chuyên gia lâm nghiệp/ phân bổ-quy hoạch sử dụng đất:** đưa ra những đề xuất về nông lâm nghiệp phù hợp để trình diễn/ ứng dụng trong các xã Chương trình và đề ra những hướng dẫn về phân bổ/ lập kế hoạch sử dụng đất trong tỉnh.
 - **Chuyên gia Nuôi trồng thủy sản:** đánh giá tiềm năng các hoạt động nuôi trồng thủy sản tại các xã mới của Chương trình và đưa ra đề xuất cho những hoạt động nuôi trồng thủy sản hiện thời.
 - **Chuyên gia cây trồng và vườn rau gia đình:** xem xét các hoạt động vườn kinh tế vườn nhà hiện thời và đưa ra những đề xuất về giới thiệu những loại cây trồng mới, chẳng hạn như cây cô-ca.
 - **Chuyên gia tập huấn thú y:** Tổ chức thực hiện một khoá tập huấn dựa vào yêu cầu khả năng thực hiện công việc cho các thú y viên cơ sở và cán bộ thú y cấp huyện và cấp tỉnh.
 - **Chuyên gia IPM:** xác định các tập quán IPM phù hợp đối với cây lúa, cây bắp và rau để trình diễn và thực hiện một khoá tập huấn cho cán bộ IPM cấp huyện và cấp tỉnh.
 - **Chuyên gia dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi:** xác định các loại thức ăn chăn nuôi với thành phần sử dụng là những sản phẩm sẵn có tại địa phương để trình diễn cho các nhóm hoạt động hộ và tập huấn cho các cán bộ khuyến nông cấp tỉnh và cấp huyện phụ trách về chăn .
 - **Chuyên gia cây ăn quả:** xác định các lựa chọn về cây ăn quả, cây xen canh, cây công nghiệp và tập huấn cho cán bộ khuyến nông cấp tỉnh và cấp huyện.
 - **Chuyên gia về hoạt động công nghiệp nhỏ nông thôn #1 (Chế biến nông sản):** Đề xuất các phương án về thiết bị/ kỹ thuật/ hoạt động thị trường phù hợp mà sẽ gia tăng giá trị cho các sản phẩm nông nghiệp của người dân tại các xã.
 - **Chuyên gia về hoạt động công nghiệp nhỏ nông thôn #2 (Sau thu hoạch):** Đề xuất các cách thức giúp giảm bớt hao hụt sau thu hoạch thông qua một loạt các cách thức/ phương tiện lưu trữ được tìm thấy trên toàn tỉnh.
 - **Chuyên gia về sinh kế bền vững:** đánh giá các dự án hỗ trợ đời sống hiện thời và đưa ra những đề xuất về những dự án phù hợp với hộ nghèo.
-

- **Chuyên gia tài liệu truyền thông:** soạn thảo các hình thức tờ rơi, bản tin và các áp phích truyền thông về RUDEP và xác định các cách thức có hiệu quả về chi phí để ấn hành những tài liệu này.
- **Chuyên gia về Giới và Phát triển:** soạn thảo các tài liệu hướng dẫn dành cho nhân viên và các bên tham gia để các vấn đề về giới và đạt được các mục tiêu về giới của Chương trình; đồng thời tổ chức hội thảo/ tập huấn cho cán bộ cấp tỉnh và cấp huyện.
- **Chuyên gia GIS:** đưa hệ thống thông tin vùng địa lý (GIS) vào hoạt động (sau khi RUDEP trang bị một bộ bản đồ cơ sở) và triển khai các thủ tục về việc thường xuyên cập nhật và bảo dưỡng hệ thống. Soạn thảo ra các dạng thức báo cáo từ GIS để hỗ trợ cho công việc lập kế hoạch và theo dõi các hoạt động.
- **Chuyên gia Phân tích thể chế/ PAR:** đánh giá về cải cách trong các cơ quan tại Quảng Ngãi so với các quy phạm quốc gia và đề xuất về việc sử dụng các chương trình và chính sách hiện thời mà có thể nâng cao hoạt động của RUDEP.
- **Các bên cung cấp dịch vụ được hợp đồng:** sẽ được huy động khi nhu cầu được xác định trong năm.

4.3 Các đầu vào bên đối tác chính phủ

UBND Tỉnh Quảng Ngãi (cơ quan thực hiện chính) sẽ thu xếp các nguồn lực sau để hỗ trợ Chương trình trong kỳ kế hoạch này.

1. Các cán bộ đại diện từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD), UBND Tỉnh (PPC), Sở Kế hoạch và Đầu tư (DPI), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (DARD) và Sở Lao động, Thương binh & Xã hội (DOLISA) tham dự trong các cuộc họp Ban điều phối chương trình (PCC).
2. Đại diện DPI cho vị trí đồng Giám đốc Chương trình.
3. Hai chuyên viên kỹ thuật hai nhân viên hành chính làm việc toàn thời gian tại PMU.
4. Các cán bộ làm việc kiêm nhiệm từ DPI để đối tác với các vị trí CBO, FCO và IEO cùng với các cán bộ kiêm nhiệm từ DARD và Hội Phụ nữ.
5. Chi phí về duy tu bảo dưỡng Văn phòng Ban quản lý Chương trình.
6. Các thành viên trong các nhóm tiếp xúc các cấp tỉnh, huyện và xã.
7. Sự hỗ trợ đối với các nhóm tiếp xúc.
8. Sự hỗ trợ đối với các cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã và các đoàn thể hỗ trợ trong việc thực hiện Chương trình.
9. Bố trí văn phòng và hỗ trợ cho các DDO tại các huyện.
10. Hỗ trợ về chi phí cho các dự án cơ sở hạ tầng liên quan về chi phí thiết kế, chi phí đền bù và tháo gỡ bom mìn.
11. Chỉ định các đầu mối tiếp xúc tại các cơ quan chức năng của Tỉnh và môi trường thuận lợi cho phép Trường đoàn Ô-x-trây-lia (ATL) và các chuyên gia phát triển cộng đồng làm việc với các cơ quan này khi cần thiết.

4.4 Sự phối hợp Chương trình

Cơ cấu tổ chức của PMU được trình bày tại Phụ lục 9. Quy chế hoạt động của PMU hiện nay đang được điều chỉnh lại để phản ánh các ý kiến từ AusAID, MPI và PPC đưa ra vào tháng 12/2003 (và được ký thông qua vào tháng 3/2004). Theo sự sắp xếp mới này, ATL và Phó giám đốc DPI sẽ là hai đồng giám đốc của PMU và sẽ làm việc trên các nguyên tắc về đồng quản lý, đó là: tin cậy lẫn nhau, có sự tham vấn lẫn nhau, có sự thống nhất trước về các Kế hoạch hàng năm của Chương trình và có sự uỷ thác trọn vẹn để thực hiện trong các phạm vi đã được hai bên nhất trí. Các chuyên gia cố vấn sẽ làm việc trực tiếp với các

cán bộ đầu mối từ các cơ quan chính phủ liên quan (được chỉ định qua PPC), nhằm tăng cường các mối liên kết của RUDEP với nhiều cơ quan chính phủ hơn nữa đồng thời nâng cao năng lực và sự biết đến của các cơ quan này về những nguyên tắc của RUDEP.

Thời biểu các cuộc họp quản lý/ giao ban đã được thiết lập như sau:

- Hợp hàng tháng giữa các DDO, Chuyên viên kỹ thuật và PDA để đánh giá các vấn đề và điều phối các hoạt động giữa toàn bộ nhân viên PMU. Các kế hoạch của DDO sau đó sẽ được gửi đến các CCG và DCG để phối hợp sự tham gia của các nhóm tiếp xúc vào các hoạt động Chương trình. Các DDO sẽ thường xuyên gặp gỡ với DCG (ít nhất là mỗi tháng một lần) và các CCG (hàng tuần) để thảo luận về các nội dung trong các kế hoạch này. Một kế hoạch hàng tháng sẽ được soạn thảo và đề cập đến mọi hoạt động của Chương trình cho tháng đó. Vừa qua chúng tôi đã quy trình này cho các kế hoạch cuốn chiếu 3 tháng và bên cạnh việc trọng tâm vào tháng trước mắt, các nhân viên đều biết đến những hoạt động sắp đến của các tháng kế tiếp.
- Hợp hàng tháng giữa các nhân viên cao cấp và các chuyên viên kỹ thuật để đánh giá tiến độ so với các chỉ tiêu hoạt động/ đầu ra đồng thời nhận định mọi vấn đề phát sinh và các cơ hội.
- Hợp giao ban kế hoạch hàng tháng giữa 2 Đồng Giám đốc PMU để thảo luận kế hoạch dự tính đồng thời nhận định các vấn đề hoặc cơ hội nảy sinh. Các cuộc họp kế tiếp sau đó cũng sẽ được tổ chức trong tháng để đề cập đến các vấn đề và theo dõi tình hình tiến độ.
- Cuộc họp quản lý hàng tuần giữa các chuyên gia cao cấp và chuyên viên kỹ thuật được tổ chức nhằm rà soát kế hoạch cho tuần kế tiếp và thông tin cho nhân viên trong chương trình về khách viếng, các chương trình tập huấn, các cuộc họp, v.v. và bố trí các nguồn lực trong tuần.
- Các cuộc họp hàng tháng với các bên hợp đồng cung cấp dịch vụ cho hoạt động để theo dõi tiến độ.
- Tổ chức họp hàng quý giữa PMU và các đại diện CCG, DCG để rà soát tiến độ, nhận biết các vấn đề và thảo luận về các hoạt động của Chương trình.

Ở một cấp cao hơn và theo đề cập trong PDD, Chương trình sẽ hỗ trợ việc hình thành một Ban chỉ đạo tỉnh về các dự án ODA. Điều này đã được thống nhất trong cuộc họp PCC mới đây và Chương trình sẽ hỗ trợ DPI là cơ quan chịu trách nhiệm đưa ban chỉ đạo này vào hoạt động. Ban chỉ đạo tỉnh về các dự án ODA sẽ bao gồm đại diện cao cấp của các bên tham gia then chốt gồm các ban ngành và các đoàn thể cấp tỉnh cộng với các đại diện từ các dự án ODA và dự án NGO. Điều này sẽ quan trọng cho việc phối hợp với con số dự án ngày càng tăng tại Quảng Ngãi và cho việc duy trì các mối liên kết với các nguồn chuyên môn về quản lý và kỹ thuật trong tỉnh. Điều này cũng sẽ đảm bảo sự lưu chuyển thông tin đầy đủ về các dự án và các chương trình của chính phủ trên toàn hoạt động dự án và các cơ quan chức năng của tỉnh.

5 Kinh phí hoạt động

5.1 Kinh phí bên Chính phủ Ô-x-trây-li-a (GOA)

(a) Chi tiêu của Năm 1 và Năm 2 Giai đoạn 2

Bảng 4 cung cấp một tổng hợp về chi tiêu ước tính cho Năm 1 và Năm 2 của Chương trình. Giải trình về những trường hợp chi không đạt ngân sách trong Năm 1 đã được trình bày trong nội dung bảng Kế hoạch năm của năm trước. Các giải trình sau chỉ liên quan đến hoạt động chi tiêu đối với Năm 2.

Tổng chi tiêu cho Năm 2 được ước tính bằng 88% của ngân sách hoạch định; giải trình như sau:

- Nhân sự dài hạn đạt 99% ngân sách hoạch định và toàn bộ nhân viên dài hạn Ô-x-trây-li-a và Việt Nam đã công tác trọn năm và đến nay mọi mốc thời gian đều đã đạt được trong đó có 2 mốc thời gian còn lại cho năm 2003/2004 dự kiến sẽ được thanh toán trong tháng 5 và tháng 6.
- Chi tiêu DDO đạt 98% ngân sách hoạch định với 9 DDO hiện làm việc tại các xã Chương trình.
- Chi tiêu Chuyên gia ngắn hạn (STA) đạt 86% ngân sách hoạch định với đa số chuyên gia đều được tuyển chọn và thực hiện tốt chức năng để hỗ trợ và mở rộng các hoạt động chương trình.
- Chi tiêu cho các hoạt động mua sắm đã thấp hơn nhiều so với ngân sách hoạch định (63%) mặt dù hầu hết hạng mục được ghi trong Kế hoạch hàng năm đều đã được mua sắm. Điều này là do (i) tiết kiệm từ giá mua một số hạng mục như xe máy; (ii) tiết kiệm từ lãi tỉ giá hối đoái với các hạng mục được mua bằng đồng Việt Nam hoặc bằng đô la Mỹ mà trở thành rẻ hơn khi tính hối đoái qua đồng đô la Ô-x-trây-li-a.
- Chi tiêu cho hoạt động đào tạo tập huấn bằng hoặc hơi vượt so với ngân sách hoạch định vì chúng tôi đã có thể bắt đầu trải rộng các hoạt động tham quan học hỏi và các khoá tập huấn và đã áp dụng một cách tiếp cận thích hợp và linh hoạt hơn cho các khoản phụ cấp thay cho những định mức hạn chế trong Quyết định 112.
- Chi tiêu về đi lại đã thấp hơn so với ngân sách phân bổ (28%) do chi phí đi lại thực tế cho các chuyên gia người Việt Nam và các cố vấn dài hạn thấp hơn đơn giá nêu trong PDD.
- Chi tiêu cho các hoạt động bằng 86% Ngân sách hoạch định do (i) các khoản tiết kiệm từ lãi tỉ giá hối đoái và (ii) những chậm trễ trong việc thông qua nội dung hướng dẫn dành cho các dự án hỗ trợ đời sống và các hoạt động thử nghiệm do nhóm hoạt động hộ thực hiện.

Bảng 4: Tổng hợp chi tiêu từ ngân quỹ GOA - Năm 1 và Năm 2 (\$A)

Năm 1 Giai đoạn 2 (10/2002 - 06/2003)

Mục	Năm 1 (10/2002 – 06/2003)			Tổng ngân sách của Giai đoạn 2
	Ngân sách	Chi tiêu	% chi tiêu	
Nhân sự dài hạn	942,243	941,482	100%	6,379,380
DDO	45,072	40,653	90%	570,384
STA	434,625	234,132	54%	732,000
Mua sắm	174,312	94,753	54%	615,483
Tập huấn	41,062	13,854	34%	273,745
Đi lại	74,660	19,152	26%	224,716
Các hoạt động	371,877	49,130	13%	5,923,716
Cộng	2,083,851	1,393,155	67%	14,719,424

Năm 2 Giai đoạn 2 (07/2003 - 06/2004)

Mục	Năm 2 (07/2003 – 06/2004)			Tổng ngân sách của Giai đoạn 2
	Ngân sách	Chi tiêu	% chi tiêu	
Nhân sự dài hạn	1,274,820	1,256,186	99%	6,379,380
DDO	102,838	101,070	98%	570,384
STA	359,560	307,770	86%	732,000
Mua sắm	72,345	45,224	63%	615,483
Tập huấn	54,749	55,510	101%	273,745
Đi lại	51,692	14,501	28%	224,716
Các hoạt động	953,388	733,631	77%	5,923,716
Cộng	2,869,392	2,513,892	88%	14,719,424

* = chi tiêu thực tế trong kỳ từ 07/2003 đến 03/2004 cộng với chi tiêu ước tính cho Tháng 4 và tháng 6/ 2004.

(b) Ngân sách Năm 3 Giai đoạn 2

Bảng tổng hợp về chi phí trong Phụ lục 2 trình bày cả chi phí tổng hợp và chi phí cụ thể dự kiến sẽ được phát sinh bởi Chương trình trong kỳ từ 07/2004 - 06/2005. Tổng chi phí cho sự thực hiện Chương trình trong kỳ này là 3.002.144 đô la Ôx-trây-li-a. Các chi phí này đã được căn cứ từ PDD với các điều chỉnh nhằm đáp ứng với các nhu cầu đã được xác định, bao gồm việc chuyển sang các khoản tài trợ cho các hợp đồng dịch vụ hoạt động đã được cam kết trong Năm 2 nhưng chưa được hoàn tất. Tổng hợp về ngân sách chương trình bên Chính phủ Ôx-trây-li-a được trình bày tại Bảng 5 và lưu chuyển tiền mặt hàng tháng thì được trình bày tại Bảng 6.

Bảng 5: Tổng hợp ngân sách GOA cho Năm 3 (A\$)

Năm 3 Giai đoạn 2 (07/2004 - 06/2005)

Mục	Cấu phần 1	Cấu phần 2	Cấu phần 3	Cấu phần 4	TỔNG CỘNG
GOA					
Nhân sự dài hạn	570,297	178,263	111,976	415,604	1,276,140
DDO	89,370	35,748	10,724	7,150	142,992
STA*	138,120	33,000	18,228	27,492	216,840
Mua sắm				87,038	87,038
Huấn luyện			84,748		84,748
Đi lại công tác	21,328	7,664	5,308	9,594	43,894
Các hoạt động	830,492	320,000			1,150,491
Tổng cộng	1,649,607	574,674	230,984	546,878	3,002,144
Tỉ trọng	55%	19%	8%	18%	100%

* bao gồm phụ cấp quản lý chương trình (N26 - Phụ lục 2)

Bảng 6: Lưu chuyển tiền mặt bên GOA (A\$'000)

Năm 3 Giai đoạn 2 (07/2004 - 06/2005)

Mục	Năm 3 (2004/2005)												Tổng cộng	%	
	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6			
GOA															
N.sự dài hạn	101	117	101	101	117	101	101	117	101	117	101	101	1,276	43%	
DDO	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	143	5%	
STA	1	45	42	29	7	4	1	23	50	6	9	0	217	7%	
Mua sắm	5	21	12	6		2	4	29	8				87	3%	
Tập huấn	4	8	8	9	11	6	5	4	9	6	9	5	85	3%	
Đi lại	1	7	8	5	2	2	1	4	9	2	2	1	44	1%	
Hoạt động	103	103	103	98	93	93	93	93	93	93	93	93	1,150	38%	
Cộng	227	314	285	259	242	220	218	283	281	236	226	212	3,002	100%	

Bảng tổng hợp về Mua sắm cho kỳ này được trình bày tại Phụ lục 5. Các hạng mục được phân chia vào mua sắm cho: Văn phòng chương trình, DDO và xã; và là theo các hạng mục ghi trong PDD cộng với việc bổ sung vài hạng mục mới/ Tổng mua sắm cho năm được ước tính là 83.691 đô la Ôx-trây-li-a cộng một khoản phí mua sắm là 3.348 đô la Ôx-trây-li-a (tương đương 4% giá trị mua sắm). Số tiền này cao hơn số được ghi trong PDD cho Năm 3 (43.000 đô la Ôx-trây-li-a) nhưng phần dôi ra sẽ được trang trải từ khoản chưa chi cho mua sắm trong 2 năm đầu của Chương trình. Dưới đây là giải trình về các hạng mục khác với PDD:

- PDD bao gồm một ngân sách dành cho tổng cộng 12 máy tính phân cho các xã nhưng do Chương trình sẽ đi vào hoạt động tại 5 xã mới (thành tổng cộng 14 xã), Chương trình cần mua 5 bộ máy vi tính để trang bị cho các xã này, nghĩa là bổ sung thêm 2 máy do với dự kiến trong thiết kế chương trình.
- Một máy chiếu kỹ thuật số bổ sung để phục vụ cho các hoạt động tập huấn, hội thảo và hội nghị chuyên đề. Khi nhân viên trong PMU đạt được các kỹ năng về tập huấn, có một nhu cầu ngày càng tăng về các máy chiếu kỹ thuật số phục vụ cho các thuyết trình và chiếc máy hiện nay không đủ để đáp ứng các nhu cầu đào tạo tập huấn. Giá

máy chiếu kỹ thuật số đã giảm kể từ lần Chương trình mua một chiếc máy cách đây 2 năm và giá hiện nay ước chừng 5000 đô la Ôx-trây-liá (so với thời điểm năm 2002 là 10.000 đô la Ôx-trây-liá).

- Một số ngân quỹ được gồm vào như một phần trong Chiến lược truyền thông để mua các bảng thông báo đặt tại xã và hệ thống loa phóng thanh cho xã. Mục đích là nâng cao hiệu quả truyền đạt các thông tin về Chương trình (cũng như thông tin khác) đến người dân trong các xã thông qua các bản tin và các thông báo dưới các hình thức truyền thanh và văn bản. (Chi tiết cụ thể về các hạng mục được bao gồm trong bảng tổng hợp về Chiến lược truyền thông trình bày tại Phụ lục 11).
- Mặc dù chương trình sẽ đi vào 5 xã mới, chỉ có một khoản dự phòng dành cho việc trang bị 3 văn phòng DDO mới (theo PDD). 2 DDO hiện đang làm việc tại 2 xã Chu kỳ 3 mới thuộc Huyện Sơn Hà sẽ chuyển các máy tính và thiết bị văn phòng v.v. của họ từ văn phòng RUDEP tại Sơn Hà sang các văn phòng RUDEP tại 2 huyện mới vào năm 2005.
- Một phim tài liệu sẽ phát trên chương trình truyền hình đã được bao gồm trong Kế hoạch hàng năm kỳ 2003/2004 nhưng nay sẽ được thực hiện trong kỳ 2004/2005 khi có thêm nhiều hoạt động và quy trình bao gồm trong phim tài liệu.

Kế hoạch nâng cao năng lực mang tính chỉ báo được trình bày tại Phụ lục 6 và mọi sự kiện tập huấn đã được phân loại theo các tiêu đề là hội thảo, tham quan học hỏi và tài liệu nghe nhìn. Kế hoạch này cũng trình bày các sự kiện cho nhiều nhóm khác nhau bao gồm các thành viên nhóm CCG/ DCG, nhân viên PMU và các bên cung cấp dịch vụ. Chương trình đang theo hướng chuyển toàn bộ các sự kiện nâng cao năng lực dựa trên yêu cầu về khả năng sẽ thực hiện được công việc thành các hoạt động được dựa trên một quy trình phân tích các nhu cầu đào tạo tập huấn dựa trên yêu cầu về khả năng sẽ thực hiện được công việc. Ngân sách được phân bổ cho tài liệu nghe nhìn sẽ được dùng để hỗ trợ cho một phần của Chiến lược truyền thông (Phụ lục 11) mà sẽ quảng bá Chương trình cả trong và ngoài tỉnh Quảng Ngãi. Tổng ngân sách dành cho hoạt động nâng cao năng lực theo Cầu phần 3 là 84.748 đô la Ôx-trây-liá. Số tiền này cao hơn số phân bổ theo PDD (là 54.749 đô la Ôx-trây-liá) và phần chênh lệch sẽ lấy từ số tiền tiết kiệm trong dòng ngân sách cho tập huấn của Năm 1. Kế hoạch dành cho các cán bộ trong CCG/DCG bao gồm một chuỗi các khoá tập huấn kéo dài qua một kỳ 6 tháng được tiếp theo bởi một chuỗi khác cho các thành viên khác trong các CCG/DCG. Chúng tôi sẽ yêu cầu là các cán bộ này nên tham gia vào một chương trình trải dài qua một thời kỳ 6 tháng hơn là xem nó như một số khoá học dứt điểm một lần. Kế hoạch này cũng nhắm mục tiêu nâng cao năng lực cho nhân viên PMU và các bên cung cấp dịch vụ để hỗ trợ tốt hơn cho Chương trình. Chẳng hạn, tập huấn cho Hội phụ nữ để hỗ trợ các quỹ VSCF và cho các Trung tâm khuyến nông huyện để cung cấp tập huấn kỹ thuật cho nông hộ, v.v..

Một tổng hợp về ngân quỹ theo tài khoản dành trước thể hiện kinh phí chi tiêu cho tạo thu nhập và cơ sở hạ tầng sẽ được trình bày tại Phụ lục 7. Tổng số ngân quỹ được hoạch định cho Năm 3 là 1.150.492 đô la Ôx-trây-liá; gồm 830.492 đô la Ôx-trây-liá dành cho các hoạt động về tạo thu nhập và 320.000 đô la Ôx-trây-liá dành cho các hoạt động cơ sở hạ tầng. Chi tiết cụ thể của các hoạt động nông hộ tham quan học hỏi/ tập huấn kỹ thuật và các hợp đồng dịch vụ dự kiến sẽ được hạch toán trong phần tạo thu nhập mà cũng được trình bày trong các bảng tổng hợp lịch trình nêu tại Phụ lục 7.

- (a) Tạo thu nhập: Số tiền 830.492 đô la Ôx-trây-liá dành cho cấu phần tạo thu nhập được phân bổ như sau:

- A\$632.375 gồm A\$70.264/ xã cho các đầu vào hoạt động tạo thu nhập tại 9 xã (chiều theo PDD);
 - A\$52.236 dành cho nâng cao năng lực hộ gia đình (chiều theo PDD) (bao gồm các hoạt động nông dân tham quan học hỏi/ tập huấn kỹ thuật, các tài liệu tập huấn và tài liệu cho xã;
 - A\$112.941 dành cho các hợp đồng dịch vụ hoạt động (chiều theo PDD); và
 - A\$32.941 từ những khoản ngân quỹ dành cho các hợp đồng dịch vụ hoạt động cho Năm 2 nhưng chưa được chi.
- (b) Cơ sở hạ tầng: Số tiền 320.000 đô la Ô-x-trây-li-a dành cho cơ sở hạ tầng được phân bổ như sau:
- A\$200.000 gồm A\$40.000/xã cho hoạt động cơ sở hạ tầng tại 5 xã (con số A\$40.000 là A\$30.000 phân bổ theo PDD cộng với số tiền tiết kiệm được từ ngân sách của Năm 2 nhờ lãi tỉ giá hối đoái) (5 xã này là các xã Chu kỳ 1 và Chu kỳ 2 trừ Đức Phong, xã này đã lập tờ trình xin sử dụng phần tiết kiệm ngoại hối từ nguồn vốn phân bổ cho xã về lĩnh vực này để xây một công trình chợ); and
 - A\$120.000 gồm A\$30.000/xã cho hoạt động cơ sở hạ tầng tại 4 xã (chiều theo PDD) (3 xã Chu kỳ 3 cộng xã Đức Phong).

Chúng tôi đề xuất rằng Chương trình sẽ tiếp tục với sự phân chia như ở Năm 2 cho các đầu vào hoạt động tạo thu nhập, được nêu cụ thể trong PDD là A\$70.264/ xã, nghĩa là:

- 70% dành cho vốn 'giống' cho các quỹ VSCF;
- 20% dành cho các dự án hỗ trợ đời sống được xác định thông qua các kế hoạch xã về các hoạt động của RUDEP, chẳng hạn, các chương trình về chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, các chương trình phòng bệnh, các chương trình hỗ trợ giáo dục, các chương trình dạy chữ, v.v.; và
- 10% dành cho các nhóm hoạt động hộ gia đình để thử nghiệm các kỹ thuật hoặc phương pháp tiếp cận do Chương trình quảng bá và sử dụng các tiếp cận khuyến nông trọng tâm từ nông hộ như vườn nhà, các lô trồng cỏ thức ăn xanh, trồng cây ăn quả, lập vườn ươm, v.v.

Phụ lục 11 cung cấp chi tiết về ngân sách cần dùng cho việc thực hiện Chiến lược truyền thông của Chương trình. Vì trước đây không có sự phân bổ ngân sách cụ thể cho Chiến lược truyền thông trong PDD, các mục chi phí nêu trong Phụ lục 11 được lấy nguồn từ nhiều hạng mục chi phí khác nhau và chi tiết cụ thể sẽ được nêu trong bảng tổng hợp của Phụ lục. Chiến lược truyền thông bao gồm việc quảng bá Chương trình tại các xã và tại cấp huyện và cấp tỉnh, cộng với việc quảng bá Chương trình ở cấp quốc gia, với các cơ quan tài trợ, các tổ chức NGO và các dự án khác, v.v.

5.2 Kinh phí bên Chính phủ Việt Nam (GOV)

(a) Chi tiêu của Năm 1 và Năm 2 Giai đoạn 2

Bảng 7 tổng hợp về chi tiêu ngân sách tài trợ bên Chính phủ Việt Nam cho Năm 1 và Năm 2. Phần chi tiêu lớn của Năm 2 là kinh phí xây dựng văn phòng PMU, đã hoàn tất vào tháng 12 và PMU đã rời văn phòng thuê và chuyển đến nhà văn phòng mới vào ngày 6/12/2003.

Bảng 7: Tổng hợp chi tiêu bên GOV - Năm 1 và Năm 2 (VN đồng)

Năm 1 Giai đoạn 2 (10/2002 - 06/2003)

Mục	Năm 1 (10/2002 - 06/2003)		
	Ngân sách (tr. đồng)	Chi tiêu (tr. đồng)	% chi
Chi phí quản lý (nhân sự, mua sắm, v.v.)	450	250	56%
Các hoạt động (rà phá mìn, kinh phí thiết kế, đền bù, v.v.)	250	0	0%
Khác (xây dựng văn phòng PMU)	900	0	0%
Tổng cộng	1,600	250	16%

Năm 2 Giai đoạn 2(07/2003 - 06/2004)

Mục	Năm 2 (07/2003 - 06/2004)		
	Ngân sách (tr. đồng)	Chi tiêu (tr. đồng)	% chi
Chi phí quản lý (nhân sự, mua sắm, v.v.)	800	500	63%
Các hoạt động (rà phá mìn, kinh phí thiết kế, đền bù, v.v.)	320	250	78%
Khác (xây dựng văn phòng PMU)	900	800	89%
Tổng cộng	2,020	1,550	77%

Ghi chú: Chi tiêu ngân sách bao gồm các số liệu thực tế cho kỳ 07/2003 - 03/2004 và các ước tính cho kỳ 04/2004 - 06/2004.

(b) Ngân sách cho Năm 3 Giai đoạn 2

Ngân sách bên Chính phủ Việt Nam cho kỳ của Kế hoạch hàng năm này được trình bày ở Bảng 8 dưới đây. Vì các nguồn ngân sách bên Chính phủ Việt Nam được xây dựng trên theo năm dương lịch, ngân sách bên Chính phủ Việt Nam dành cho chương trình được tính toán từ phần ngân sách được phê duyệt cho năm 2004 và ngân sách sơ bộ cho năm 2005 mà sẽ được PPC xem lại vào cuối năm 2004.

Bảng 8: Tổng hợp ngân sách GOV dành cho Chương trình (A\$/tr. đồng)

Năm 3 Giai đoạn 2 (07/2004 - 06/2005)

Mục	A\$	Triệu đồng
GOV		
Chi phí quản lý (nhân sự, mua sắm, v.v.)	63,636	700
Các hoạt động (rà phá mìn, kinh phí thiết kế, đền bù, v.v.)	36,364	400
Xây dựng văn phòng PMU	0	0
Tổng cộng	100,000	1,100

Ghi chú: Mục 'Nhân sự' bao gồm tiền lương cho cán bộ đối tác cộng phụ cấp cho cán bộ bên Chính phủ Việt Nam làm việc đồng hành với dự án.

Phụ lục 1

**Tổng hợp về phân bổ
nguồn lực bên
Chính phủ Ôx-trây-lia**

Phụ lục 2

Tổng hợp kế hoạch chi phí bên Chính phủ Ôx-trây-liá

Phụ lục 3

Tổng hợp lịch trình thực hiện

Phụ lục 4

Tổng hợp về bố trí nhân sự

Phụ lục 5

Tổng hợp về mua sắm trang bị

Phụ lục 6

Dự kiến Đầu ra, Kế hoạch và Chi phí về Nâng cao năng lực

Phụ lục 7

Tổng hợp về phân bổ ngân quỹ dành trước

Phụ lục 8

**Các nội dung tham chiếu
đầu vào Chuyên gia ngắn
hạn**

Phụ lục 9

Sơ đồ Ban quản lý Chương trình

Phụ lục 10

Lịch trình theo dõi hoạt động

Phụ lục 11

Kế hoạch chi phí thực hiện Chiến lược truyền thông